



TRUNG AN®



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



Trung An - “cánh chim đầu đàn”

và sứ mệnh phát triển nông nghiệp bền vững

CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

MỤC LỤC



Vui lòng tải hoặc xem

Báo cáo thường niên năm 2023

của CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An tại:

Link: www.trunganrice.com

Hoặc quét mã QR dưới đây



01

Thông tin chung

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

04

Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

Quản trị công ty

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

06

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Bảng lưu chuyển tiền tệ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính

CHƯƠNG 01

Thông tin chung



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên Công ty bằng Tiếng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

Tên Công ty bằng Tiếng Anh

TRUNG AN HI-TECH FARMING JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt

TRUNG AN HI-TECH FARMING JSC

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **1800241736** do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 23/08/2023.

VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ

783.197.770.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

783.197.770.000 đồng

THÔNG TIN LIÊN LẠC

Địa chỉ

649A, Quốc lộ 91, Khu vực Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ

Số điện thoại

02923 857 336

Số fax

02923 857 199

Email

sales@trunganrice.com

Website

www.trunganrice.com

Mã cổ phiếu

TAR

Sàn niêm yết

HNX



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1996

Công ty cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An, tiền thân là Công ty TNHH Trung An, được thành lập ngày 16/08/1996 tại Ấp Thạnh Phước 1 - Xã Trung An - Thốt Nốt - Cần Thơ với số vốn ban đầu là 600.000.000 đồng. Thời gian đầu, Công ty chủ yếu thu gom gạo sau đó phân phối cho các đối tác nội địa. Khách hàng lớn thời điểm này của Trung An là các Tổng Công ty Lương thực.



2004

Trung An được cấp giấy phép xuất khẩu gạo và bắt đầu xuất gạo sang các đối tác nước ngoài. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã trải qua 16 năm hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu gạo.



2005

Đánh dấu giai đoạn doanh nghiệp tư nhân được xuất khẩu gạo trực tiếp, Trung An đã mở rộng thị trường và nhanh chóng trở thành đơn vị xuất khẩu gạo lớn của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Từ năm 2005 đến năm 2015, Công ty TNHH Trung An đã đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu của Thành phố Cần Thơ trên 300 triệu USD. Cùng với thành quả đó, Hiệp hội Lương thực Việt Nam đã trao tặng "Giấy chứng nhận Hội viên Hiệp hội Lương thực Việt Nam".

2009

Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hậu Giang đã trao tặng "Cúp vàng doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín" cho Công ty TNHH Trung An.



2010

Mô hình cánh đồng mẫu lớn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được phát động, Công ty TNHH Trung An là đơn vị đi đầu thực hiện cánh đồng mẫu lớn và đầu tư vào phát triển nông nghiệp nông thôn theo sự kêu gọi của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ ngành. Với những thành công trong năm, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ đã trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động xuất khẩu". Ngoài ra, Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam đã trao tặng "Chứng nhận Công ty đạt Danh hiệu Việt Nam Vàng".



2011

Trung An tiếp tục vượt qua khó khăn của khủng hoảng kinh tế, giữ vững tiến độ và năng suất lao động, không ngừng học hỏi và lắp đặt các trang thiết bị tiên tiến. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng đã trao tặng "Cúp vàng doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín".



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)

2012

Công ty được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng "Doanh nhân tiêu biểu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long".



2014

Công ty được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng bằng khen "Doanh nghiệp có sản phẩm tiêu biểu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long".



2015

Trung An đã và đang khẳng định được vị thế, tạo dựng được thương hiệu gạo Trung An, chiếm được lòng tin đối với khách hàng trong nước cũng như khách hàng xuất khẩu. Năm 2015 đánh dấu bước phát triển thương hiệu cũng như uy tín trên thị trường nội địa, Trung An đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với Công ty Cổ phần Siêu thị Vinmart (nay đổi tên thành Winmart) và Công ty TNHH Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VinEco. Bên cạnh đó, Công ty đã bán hàng cho hàng loạt đối tác lớn như: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vimex, Công ty TNHH

Angimex Kitoku, Công ty CPTM DV Gạo Thịnh, Công ty CP Nông sản Vinacam, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Lương thực Miền Nam, Công ty CP DV TM Tổng hợp Vincommerce. Sản phẩm Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn Global Gap, ECO SERC, ISO 22000, HACCP, được xuất đi các nước, các khách hàng nổi tiếng và có thương hiệu như SENGKANG IMPORT & EXPORT PTE.LTD. KONG HWA CHAN TRADING PTE LTD. ALWAYS FRESH TRADING CO PTY LTD, GL INTERNATIONAL CORP, JT INTERNATIONAL co., LTD, EVERGREEN RICE PTE LTD...

Với những nỗ lực không ngừng, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An đã được Thủ tướng Chính phủ trao tặng Bằng khen vì những đóng góp tích cực trong xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2015 và Bằng khen Doanh nghiệp vì nhà nông năm 2015 do Bộ NN&PTNT trao tặng.

Trung An không ngừng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và mở rộng vùng nguyên liệu nhằm sản xuất ra những sản phẩm tốt nhất đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phía khách hàng nước ngoài cũng như khách hàng trong nước.

Với sự thuận lợi của giao thông sông nước và địa hình bằng phẳng, các nhà máy của Trung An đều nằm ở vị trí thuận lợi cho việc vận chuyển gạo, đồng thời đảm bảo việc xuất hàng nhanh chóng, thuận tiện.

Cũng trong năm 2015, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo giấy Đăng ký Kinh doanh số 1800241736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/08/1996, thay đổi lần thứ 17 ngày 12/12/2015 với vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tt)

2018

- Công ty thực hiện tăng vốn từ 200.000.000.000 đồng lên 350.000.000.000 đồng bằng hình thức góp vốn bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.
- Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19 ngày 23/11/2017 với vốn điều lệ là 350.000.000.000 đồng.



2020

- Công ty thực hiện tăng vốn từ 350.000.000.000 đồng lên 419.999.770.000 đồng bằng hình thức chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1.
- Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 20 ngày 23/11/2017 với vốn điều lệ là 419.999.770.000 đồng.



2021

- Công ty triển khai chào bán cổ phiếu bằng hình thức phát hành riêng lẻ 25.000.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ.
- Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 21 ngày 23/11/2017 với vốn điều lệ là 461.999.330.000 đồng.



2022

- Công ty thực hiện tăng vốn từ 461.999.330.000 đồng lên 783.197.770.000 đồng bằng hình thức phát hành riêng lẻ 25.000.000 cổ phần và chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1.
- Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 24 ngày 07/12/2022 với vốn điều lệ là 783.197.770.000 đồng.



HIỆN TẠI

Sau hơn 25 năm hình thành và phát triển, cùng với sự nỗ lực không ngừng, sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị, lãnh đạo tài tình của Ban Tổng Giám đốc và đặc biệt hơn cả là sự đoàn kết, gắn bó của toàn thể cán bộ, công nhân viên mà Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Công nghệ cao Trung An đã có những thành tựu nhất định: mở rộng vùng nguyên liệu rộng lớn sang các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long bằng hình thức liên kết sản xuất; Cung ứng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; Kết hợp với các nhà khoa học để hỗ trợ kỹ thuật canh tác hiện đại giúp nhà nông tiết kiệm chi phí sản xuất hạ giá thành, tăng lợi nhuận đồng thời tạo ra các sản phẩm xanh, sạch phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Hiện tại, Công ty có **04 nhà máy xay xát** với máy móc và trang thiết bị hiện đại:

- **Nhà máy 03:** Diện tích - 3.040 m², địa chỉ tại Thạnh Phước 1, Thạnh Hòa, Thốt Nốt, Cần Thơ
- **Nhà máy 04:** Diện tích - 1.032 m², địa chỉ tại Trảng Thọ 2, Trung Nhứt, Thốt Nốt, Cần Thơ
- **Nhà máy 05:** Diện tích - 53.562,8 m², địa chỉ tại 649A, QL91, Trung Kiên, Thốt Nốt, Cần Thơ
- **Nhà máy 06:** Diện tích - 59.310 m², địa chỉ tại Thạnh Lộc, Thạnh Phú, Cờ Đỏ, Cần Thơ



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là gia công xay xát, chế biến gạo xuất khẩu. Danh sách đăng ký ngành nghề bao gồm:

Mã ngành	Tên ngành
0111	Trồng lúa
0210	Trồng rừng và chăm sóc rừng
0710	Khai thác quặng sắt
1061	Xay xát và sản xuất bột thô
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
3511	Sản xuất điện
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
3811	Thu gom rác thải không độc hại
3812	Thu gom rác thải độc hại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
3830	Tái chế phế liệu
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4631	Bán buôn gạo
4632	Bán buôn thực phẩm
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Các sản phẩm tiêu biểu



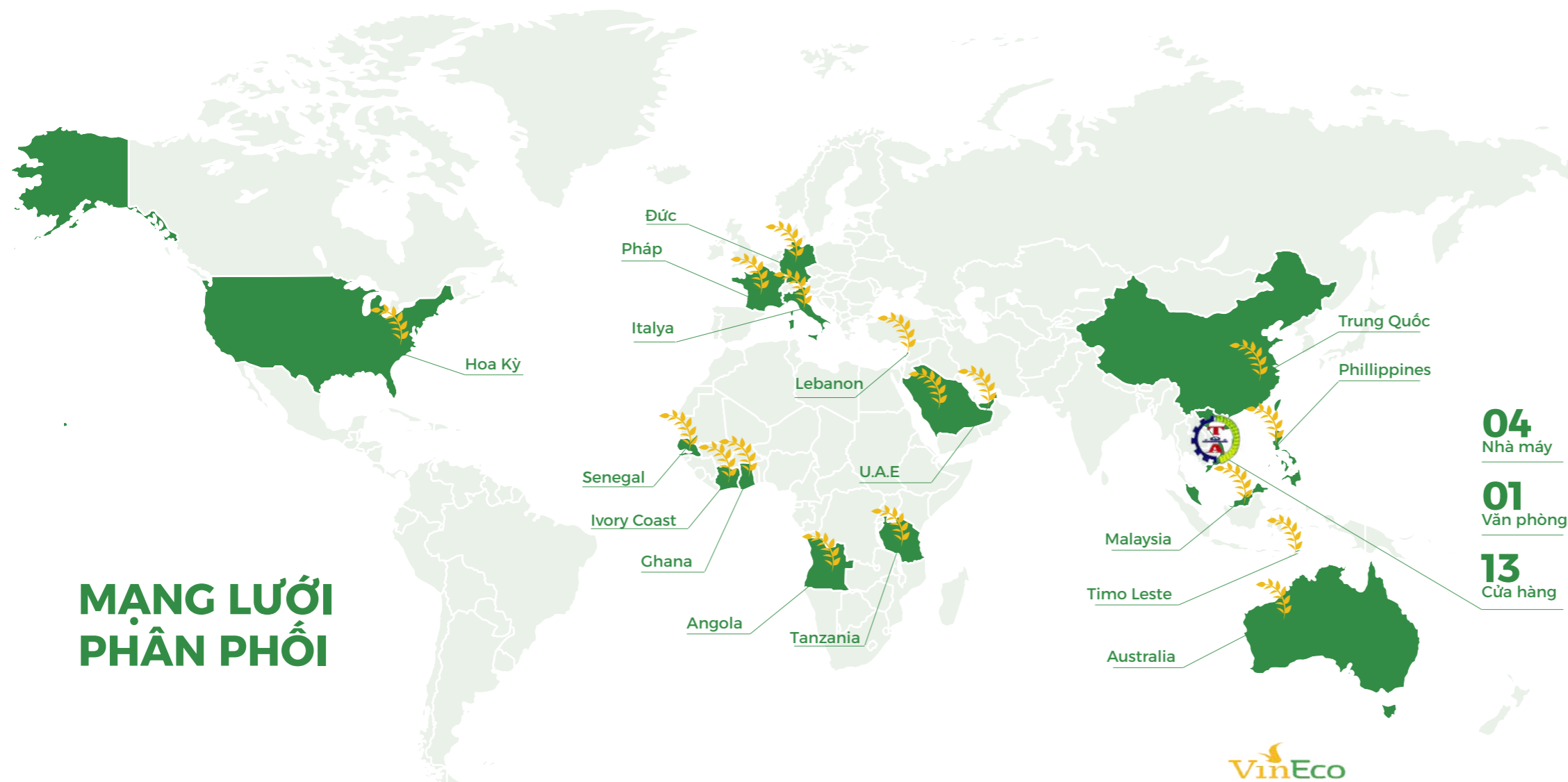
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

(tt)

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công Nghệ Cao Trung An đã và đang khẳng định được vị thế, tạo dựng thương hiệu gạo Trung An, chiếm được lòng tin đối với khách hàng trong nước và ngoài nước. Các cửa hàng bán lẻ gạo mang thương hiệu Trung An cũng được khai trương mở mới không chỉ trong địa bàn Tỉnh Cần Thơ mà còn được mở rộng tới các tỉnh lân cận như An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và cả các Thành phố lớn như Hồ Chí Minh và Hà Nội. Song song đó, việc mở rộng thị trường xuất khẩu cũng được Công ty ưu tiên hàng đầu, hiện sản phẩm đã có mặt tại 19 thị trường bao gồm cả Châu Âu, Châu Á, Châu Phi và Châu Úc...

Các khách hàng của Trung An là những khách hàng khó tính, có thương hiệu, quan hệ hợp tác lâu dài như: **ALWAYS FRESH TRADING CO PTY LTD, GUANGZHOU IMTON IMP AND EXP AGENCY CO., LTD, GLOBAL RISE TRADING PTE. LTD, HANIFAT COMPANY LIMITED, INDOCHINA FOOD TRADING PTE. LTD, AT (KOREA AGRO - FISHER AND FOOD TRADE CORPORATION), MIVI FOODS, MICHAEL KIM TRADING, PADIBERAS NASIONAL BERHAD, PAR INVESTMENTS PTE LTD, SHARIFA KENAR SADGI GENERAL TRADING L.L.C, SUZHOU XINQIANHE IMPORT AND EXPORT CO., LTD, SUREWAVE INTERNATIONAL GROUP (HONG KONG) CO.,**



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công Nghệ Cao Trung An được thiết kế theo mô hình tổ chức và quản lý tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm:



Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề được Pháp luật và Điều lệ công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính năm, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo và có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Công ty.



Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

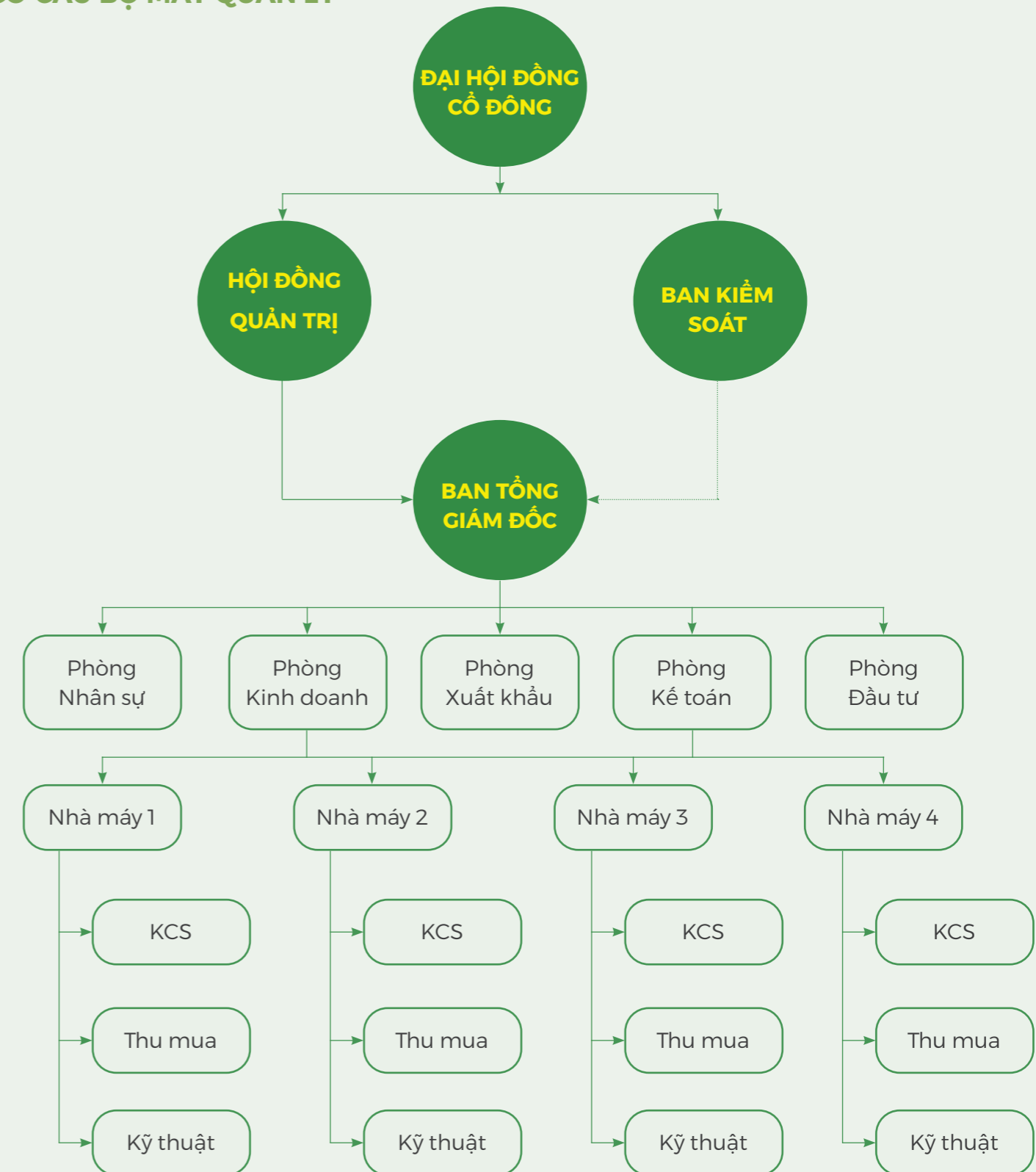


Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, có nhiệm vụ kiểm soát chặt mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.



Ban Điều hành bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trực tiếp điều hành và quản lý tài chính hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tt)

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Trung An Kiên Giang

Địa chỉ	Tổ 9, ấp Đường Théc, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 1702050412 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/06/2016
Vốn góp của TAR tại công ty con	208.460.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 90,80% VDL
Hoạt động kinh doanh chính	Trồng trọt, kinh doanh lương thực, xay gia công, chế biến gạo xuất khẩu

Công ty TNHH MTV Xuất Khẩu Gạo Trung An

Địa chỉ	Nguyễn Trọng Quyền, Khu vực Phụng Thạnh 2, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 1801724214 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 20/05/2022
Vốn góp của TAR tại công ty con	20.000.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 100% VDL
Hoạt động kinh doanh chính	Chế biến gạo xuất khẩu

Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Bất Động Sản Trung An

Địa chỉ	Khu vực 7, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 1801724207 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 20/05/2022
Vốn góp của TAR tại công ty con	10.000.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 100% VDL
Hoạt động kinh doanh chính	Kinh doanh bất động sản



03

CÔNG TY CON

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tt)

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tt)

Công ty TNHH Sản xuất Chế Biến Kinh Doanh Xuất Khẩu Gạo Việt Đức

Địa chỉ	647A, Quốc lộ 91, Khu vực Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
Giấy chứng nhận đầu tư	Số 571022000022 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 07/08/2009
Vốn góp của TAR tại công ty con	4.865.679.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 39% VDL
Hoạt động kinh doanh chính	Trồng trọt, kinh doanh lương thực, xay gia công, chế biến gạo xuất khẩu

Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng

Địa chỉ	648A, Quốc lộ 91, Khu vực Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
Giấy chứng nhận đầu tư	Số 571022000040 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/07/2012
Vốn góp của TAR tại công ty con	9.352.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu 40% VDL
Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất ván ép cao cấp từ nguyên liệu trấu

02

CÔNG TY LIÊN KẾT



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

“

Là một doanh nghiệp chuyên kinh doanh lương thực, chế biến gạo xuất khẩu, Trung An luôn hướng đến mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nước nhà và nỗ lực mang gạo Việt Nam với thương hiệu Trung An đến khắp các nước trên thế giới. Công ty lấy thế mạnh sở hữu vùng nguyên liệu lớn và ổn định, cùng với quy trình canh tác theo tiêu chuẩn GlobalGAP, Organic để sản xuất ra những sản phẩm gạo hữu cơ, xanh, sạch, tốt nhất, cung cấp cho người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Điều này đã được minh chứng trong suốt chặng đường hơn 25 năm hình thành và phát triển, đưa Trung An trở thành doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu của cả nước.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

01

Với nông dân



Công ty tiếp tục triển khai chương trình mô hình liên doanh liên kết giữa doanh nghiệp với người nông dân. Công ty cung ứng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kết hợp với các nhà khoa học để hỗ trợ kỹ thuật canh tác hiện đại giúp nhà nông tiết kiệm chi phí sản xuất hạ giá thành, tăng lợi nhuận. Từ đó, giúp nhà nông an tâm canh tác, giảm bớt áp lực về chi phí đầu tư và sản phẩm sau thu hoạch sẽ được Công ty bao tiêu.

02

Với cộng đồng



Công ty tham gia các chương trình vì cộng đồng, chung tay bảo vệ môi trường cùng nông dân thông qua hình thức thu gom rác thải nông nghiệp và vận chuyển đến khu vực chuyên xử lý rác thải độc hại. Công ty hỗ trợ xây dựng cầu đường, đô thị hóa giao thông nông thôn trong các chương trình theo chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

01

Mở rộng thị trường



Đối với thị trường nội địa, Trung An cung cấp sản phẩm gạo sạch Trung An, gạo hữu cơ Trung An với mục tiêu định hướng người tiêu dùng sử dụng sản phẩm chất lượng an toàn, đạt tiêu chuẩn GlobalGAP và Organic. Do đó, Công ty tiếp tục mở thêm các cửa hàng mới chuyên bán gạo hữu cơ chất lượng cao phục vụ cho khách hàng tầm trung và cao cấp tại hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, đối với thị trường nước ngoài, Công ty chuyển từ bán lẻ xuất khẩu sang bán buôn xuất khẩu, tập trung phát triển các thị trường như Kingdom of Saudi Arabia, Dubai, Malaysia, Đức, Úc và Mỹ dựa trên các nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng của tập khách hàng để gia tăng kim ngạch xuất khẩu trong những năm tiếp theo.

02

Kiểm soát vùng nguyên liệu



Công ty tiếp tục kiểm soát đầu vào theo hình thức liên kết sản xuất với các tổ hợp tác, Hợp tác xã và nông dân theo hướng hiện đại hóa; Đầu tư đầy đủ cơ sở vật chất, từ máy móc thiết bị đến vật tư giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật phục vụ quá trình sản xuất từ khâu gieo trồng đến khâu thu hoạch theo hướng hữu cơ trên diện rộng, đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu đầu vào để phân phối thành phẩm ra thị trường kể cả trong nước và quốc tế. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc mạnh dạn đề ra cơ chế điều hành giá mua, giá bao tiêu và giá bán hướng tới tính bền vững và ổn định trong liên kết canh tác với nông dân và chia sẻ lợi ích thật sự cho nông dân.

03

Mở rộng các ngành nghề liên quan



Công ty định hướng tham gia vào chuỗi tạo thêm giá trị cho ngành lương thực. Công ty dự kiến đầu tư kết hợp mở rộng ngành dịch vụ du lịch nông nghiệp với mục tiêu bảo tồn và phát triển tự nhiên, tạo nên hệ sinh thái tốt nhất cho cây lúa phát triển. Ngoài ra, Công ty còn tiến hành đầu tư năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: hợp tác với đối tác nước ngoài đầu tư nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và phát điện phục vụ sản xuất và gia tăng nguồn thu cho Công ty; Công ty cũng đã sản xuất chế biến các sản phẩm sau gạo như bột, phở khô bước đầu được người tiêu dùng trong và ngoài nước rất tin dùng.

RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ



Năm 2023 được Ban Lãnh đạo của Trung An đánh giá là một năm tương đối khó khăn cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp tại Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung. Trong xu hướng thắt chặt tiền tệ, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ là cơ quan dẫn đầu với 11 lần tăng lãi suất kể từ tháng 03/2022 đến tháng 07/2023, đẩy mặt bằng lãi suất từ 0% lên đến 5,25-5,5% - cao nhất trong 22 năm. Mức lãi suất cao kèm chế độ tăng của lạm phát nhưng cũng tổn hại lớn đến tài chính của các doanh nghiệp, đồng thời làm giảm sức mua của người tiêu dùng. Mặt khác, xung đột giữa Ukraine và Liên bang Nga, giữa Israel và Hamas có tác động trực tiếp, khiến giá dầu tăng cao và đẩy chi phí đầu vào của nhiều doanh nghiệp lên cao.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt với những khó khăn từ lạm phát, lãi suất, xung đột địa chính trị, Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng cao so với khu vực và thế giới. Cụ thể, Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2023 đạt 5,05%. Đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng các quý trong năm 2023 đang có xu hướng tăng nhanh hơn, thể hiện tốc độ hồi phục và phát triển ấn tượng của kinh tế Việt Nam. Trong mức tăng tổng giá trị sản phẩm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; Khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%. Một phần kết quả này đến từ quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ trong việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công cùng với các chính sách tiền tệ nới lỏng từ Ngân hàng Nhà nước để kích thích tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, quyết định này tác động trực tiếp đến tỷ giá của Việt Nam, buộc Ngân hàng Nhà nước phải sử dụng các công cụ điều tiết để ổn định hệ thống tiền tệ trong nước nhưng cũng khiến thị trường tài chính gặp khó khăn.

Sự ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế và chính trị toàn cầu đang tạo ra một bài toán khó khăn cho hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp Việt Nam ngày nay. Tình hình giảm đơn hàng ngày càng trở nên nghiêm trọng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu sang các thị trường phát triển như Mỹ hay Châu Âu. Đây là một trong những thách thức lớn đến mặt hàng xuất khẩu gạo chất lượng cao mang thương hiệu Trung An, gây ảnh hưởng đến doanh số tiêu thụ tại các thị trường này. Vì vậy, để hạn chế rủi ro, Trung An luôn thiết lập, hoạch định các chiến lược phát triển, tiêu thụ hàng năm và linh hoạt điều chỉnh theo sự biến động của thị trường, dựa trên cơ sở các nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng của khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng tích cực tìm kiếm những đối tác, khách hàng có nhu cầu hợp tác lâu dài, bền vững để tạo nên chuỗi giá trị, tiêu thụ ổn định, giúp đảm bảo đầu vào và đầu ra, từ đó hạn chế các yếu tố tác động đến lợi nhuận sau cùng của TAR.



RỦI RO LÃI SUẤT

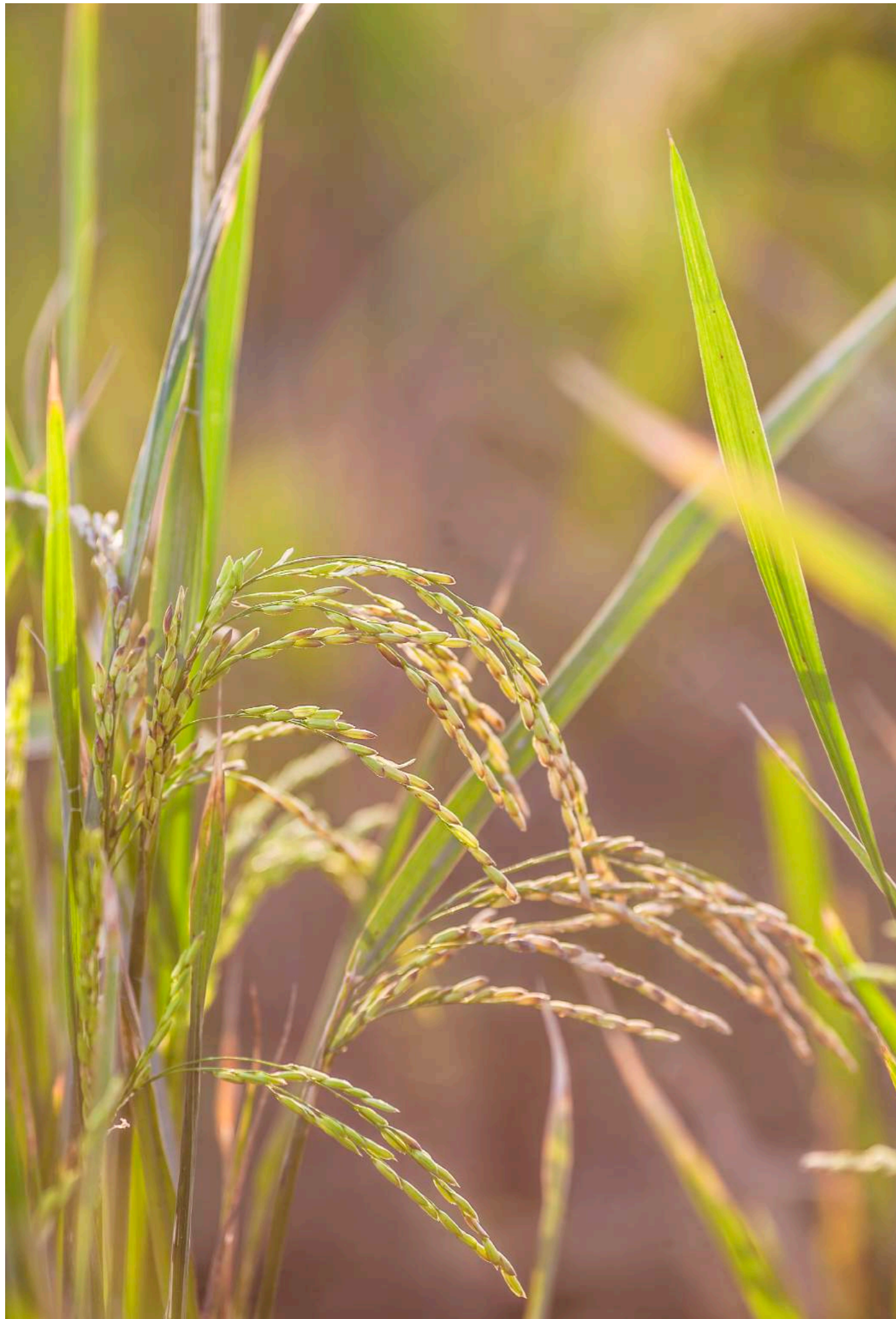


Rủi ro lãi suất là khả năng xảy ra biến động tăng của lãi suất dẫn đến những tác động bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, gây ảnh hưởng đến nguồn tài trợ của doanh nghiệp, việc huy động vốn của doanh nghiệp gặp khó khăn. Việc biến động của lãi suất có thể tạo ra áp lực làm tăng chi phí của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nào có doanh thu thấp sẽ bị tác động bất lợi bởi lãi suất tăng, làm khánh kiệt nguồn tài chính, từ đó làm mất khả năng thanh toán. Trong những năm qua, việc chạy đua lãi suất giữa các Ngân hàng thương mại nhiều lúc không tuân thủ theo một quy luật nhất định, điều đó đã tạo ra không ít rủi ro cho các doanh nghiệp có quan hệ tín dụng. Đặc biệt, trong ngành lương thực và đặc biệt hơn cả là các doanh nghiệp xuất khẩu, nguồn vốn kinh doanh chủ yếu từ vốn vay ngắn hạn Ngân hàng nên việc biến động lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

RỦI RO TỶ GIÁ



Với đặc thù kinh doanh xuất khẩu gạo, các khoản doanh thu của TAR từ các thị trường quốc tế chịu tác động mạnh bởi sự biến động của tỷ giá. Gần đây, sự khác biệt giữa lập trường chính sách giữa các quốc gia phát triển và Việt Nam làm tỷ giá có xu hướng biến động mạnh. Sự bất ổn định của tỷ giá hối đoái có thể khiến các doanh nghiệp xuất khẩu gặp khó khăn trong việc đạt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận. Trung An luôn theo dõi sát tình hình biến động của tỷ giá, đặc biệt là USD/VND để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh, hạn chế tối đa tác động.



RỦI RO (tt)

RỦI RO PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An là một trong số ít doanh nghiệp xuất khẩu gạo niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội, vì thế Trung An luôn tuân thủ pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh. Mọi hoạt động của Công ty chịu nhiều tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam và các chính sách liên quan bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại,... Đặc biệt, trong thời gian gần đây, Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã thực hiện thanh tra và rà soát tuân thủ nghĩa vụ của các công ty đại chúng, đồng thời ban hành nhiều công văn nhắc nhở và xử phạt đối với những doanh nghiệp vi phạm. Điều này là thách thức không nhỏ đến công tác quản lý, điều hành của Công ty, nhưng cũng là cơ hội để Trung An nhìn nhận lại những thiếu sót, khắc phục, cải thiện và tuân thủ chấp hành đúng quy định.

Ngoài ra, với mục tiêu phát triển các thị trường xuất khẩu quốc tế như Kingdom of Saudi Arabia, Dubai, Malaysia, Đức, Úc và Mỹ, Trung An cũng phải tuân thủ các quy định Pháp luật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu gạo như Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu,... của từng quốc gia sở tại. Chính vì thế, Công ty luôn nghiêm túc trong việc nghiên cứu, cập nhật, tuân thủ các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình thông qua việc tư vấn các đơn vị có chuyên môn, kết hợp đào tạo kiến thức cho nhân viên Công ty.

RỦI RO VỀ CHỨNG KHOÁN



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An là một trong số ít doanh nghiệp xuất khẩu gạo niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, do đó, sẽ gặp khá nhiều rủi ro về thị trường chứng khoán. Giá của một cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu của thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Khi cổ phiếu của Trung An được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả kinh doanh mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu Công ty,... rủi ro biến động mạnh của giá cổ phiếu sẽ tác động không nhỏ vào uy tín, thương hiệu và niềm tin của nhà đầu tư, người tiêu dùng đối với Công ty, cũng như làm giảm quy mô vốn hóa, gây bất lợi cho hoạt động góp vốn sau này của Công ty. Để giảm tối đa rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy trình công bố thông tin, Công ty và các cá nhân liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Điều này, giúp các nhà đầu tư tiếp cận nhanh chóng, chính xác thông tin liên quan đến Công ty, từ đó giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định đúng đắn hơn.

RỦI RO (tt)

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro thời tiết, biến đổi khí hậu:



Với đặc thù là ngành nông nghiệp, việc trồng lúa gạo ở Việt Nam không tránh khỏi những tác động của biến đổi khí hậu, chúng làm thay đổi phương thức sản xuất và nhu cầu về thuốc bảo vệ thực vật và giống lúa gieo trồng. Trong những năm gần đây, khí hậu biến đổi thất thường và tần suất của thiên tai hạn hán ngày càng khó dự đoán làm thay đổi mùa vụ, nguồn nước, nguồn phù sa bồi đắp, làm sản sinh nhiều loại sâu, bệnh, vi khuẩn; Làm giảm năng suất và chất lượng lúa thu hoạch; Đẩy chi phí sản xuất tăng cao. Thêm vào đó, xói mòn, hay sụt lún cũng làm giảm diện tích đất canh tác; Các cơ sở hạ tầng bị phá hủy theo thời gian cũng ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động tưới tiêu và logistic trong nông nghiệp. Ngoài ra, khí thải nhà kính phát sinh từ hoạt động canh tác nông nghiệp cũng đẩy nhanh quá trình nóng dần lên của trái đất và biến đổi khí hậu. Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến, kinh doanh và xuất khẩu gạo có thương hiệu, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp không chỉ gây bất lợi cho kế hoạch gieo sạ, thời vụ, sinh trưởng và phát triển của cây trồng tại những vùng nguyên liệu lớn mà còn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất gạo của Trung An. Để giảm thiểu những rủi ro từ yếu tố thời tiết, Công ty đã đầu tư 10 silo với sức chứa 30.000 tấn nhằm lưu trữ lúa khô trong vòng một năm và bảo quản chất lượng sản phẩm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Rủi ro quá trình đô thị hóa



Tốc độ đô thị hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ dẫn đến dòng dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị, đặc biệt là lao động có tay nghề, trình độ cao. Điều này, dẫn đến hoạt động sản xuất của nông dân bị đình trệ, chất lượng không cao; Trong khi đó lại gia tăng áp lực về việc làm, môi trường, hạ tầng giao thông tại các khu vực thành thị. Bên cạnh đó, xu hướng này cũng kéo theo sự gia tăng của tầng lớp trung lưu với thu nhập bình quân cao hơn, kéo theo nhu cầu chăm sóc sức khỏe và mối quan tâm hơn về an toàn thực phẩm đặc biệt là gạo. Cụ thể, người tiêu dùng đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ từ thói quen sử dụng gạo với chất lượng bình thường, không nhãn mác, giá rẻ sang sản phẩm gạo hữu cơ, có bao bì đẹp, thông tin sản phẩm rõ ràng, chất lượng cao, giàu dinh dưỡng, mức giá từ trung bình đến cao. Đây là thách thức lớn cho các doanh nghiệp kinh doanh gạo nói chung và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An nói riêng vì không những phải cạnh tranh quyết liệt trong hoạt động marketing, phân phối sản phẩm mà còn phải liên tục cập nhật về thị hiếu của người tiêu dùng để kịp thời đáp ứng nhu cầu thị trường, làm gia tăng đáng kể chi phí Marketing.

Rủi ro giá cả hàng hóa



Giá cả hàng hóa các mặt hàng nông sản xuất khẩu sẽ bị tác động bất ổn của giá cả thế giới, trong thời gian qua người nông dân luôn rơi vào cảnh mất mùa được giá hay được mùa thì mất giá. Giá nông sản xuất khẩu sụt giảm trên thị trường thế giới trong những năm sắp tới là hoàn toàn có thể xảy ra, một phần kinh tế thế giới có xu hướng chững lại, phần khác giá các mặt hàng này còn phụ thuộc quá nhiều vào yếu tố không kiểm soát được như thiên tai, dịch bệnh, hạn hán...

RỦI RO KHÁC

Cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty cũng bị tác động bởi những rủi ro bất khả kháng như: động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Từ thực tế đó đòi hỏi Trung An luôn chủ động phòng ngừa, có biện pháp xử lý kịp thời khi có vấn đề xảy ra. Để giảm thiểu rủi ro này, Trung An tiến hành mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản nhằm đảm bảo thiệt hại cho Công ty, cán bộ công nhân viên và nhà đầu tư.



CHƯƠNG 02

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm



TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGÀNH LÚA GẠO

VỀ SẢN XUẤT



Năm 2023 được đánh giá là năm được mùa được giá của ngành lúa gạo Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, sản lượng lúa cả nước tăng 1,9%, xuất khẩu đạt kỷ lục hơn 8,3 triệu tấn, với kim ngạch 4,67 tỷ USD. Sản lượng lương thực nói chung và sản lượng lúa nói riêng đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với năm trước, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và phục vụ cho hoạt động chế biến, xuất khẩu. Điểm nhấn của ngành sản xuất lúa năm nay là sự chuyển đổi mạnh mẽ từ phát triển chiều rộng sang phát triển chiều sâu theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bền vững. Nổi bật là việc đưa vào sản xuất các giống lúa chịu mặn cho vùng ven biển, ứng dụng quy trình sản xuất "1 phải 5 giảm" nhằm tiết kiệm vật tư đầu vào, giảm phát thải khí nhà kính và gia tăng thu nhập cho người nông dân.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Thống kê, sản xuất lương thực năm 2023 đạt kết quả khá. Nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi, cơ cấu giống được chuyển đổi hợp lý và trình độ kỹ thuật canh tác được nâng cao, sản lượng lương thực có hạt đạt 47,9 triệu tấn, tăng 0,8 triệu tấn so với năm trước. Trong đó, sản lượng lúa đóng góp 43,5 triệu tấn, tăng 795 nghìn tấn, chủ yếu do năng suất lúa tăng ở hầu hết các mùa vụ. Kết quả sản xuất lúa năm 2023 cho thấy sự nỗ lực của ngành nông nghiệp trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới phương thức canh tác và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đây là nền tảng vững chắc để ngành lúa Việt Nam tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tới, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và nâng cao đời sống của người nông dân.

VỀ XUẤT KHẨU

Về xuất khẩu, Việt Nam giữ vững vị trí là nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba thế giới sau Thái Lan và Ấn Độ. Đặc biệt, năm 2023 gạo ST25 của Việt Nam tiếp tục đoạt giải "Gạo ngon nhất thế giới" lần thứ hai. Giá trị gạo Việt Nam trên thế giới được khẳng định khi các đối tác nhập khẩu và người tiêu dùng đều ưa chuộng.



- 01** Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam với khối lượng đạt hơn 3,1 triệu tấn, trị giá 1,75 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 38,5% về lượng và 37,5% về trị giá. So với năm 2022 xuất khẩu gạo sang thị trường này giảm 2,5% về lượng, nhưng tăng 17,6% về giá trị do giá bán tăng cao.
- 02** Trong khi đó, xuất khẩu gạo sang thị trường Indonesia đạt mức cao nhất trong 12 năm qua với gần 1,2 triệu tấn với kim ngạch 640,2 triệu USD, tăng đột biến gấp 9,8 lần về lượng và tăng gần 10,9 lần về kim ngạch so với năm 2022, do Chính phủ Indonesia tăng cường nhập khẩu nhằm bảo đảm an ninh lương thực trong nước.
- 03** Đứng thứ ba là thị trường Trung Quốc, đạt 917.255 tấn, trị giá 530,6 triệu USD, so với năm 2022 tăng 7,8% về lượng và tăng 22,7% về giá trị. Việt Nam hiện đang là nguồn cung gạo lớn nhất vào Trung Quốc. Đặc biệt, năm 2023 vừa qua trong khi Trung Quốc giảm mạnh nhập khẩu gạo từ nhiều nước thì nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng lên.
- 04** Lượng gạo xuất khẩu sang nhiều thị trường khác cũng tăng mạnh trong năm 2023 như: Ghana tăng 32,9%, Singapore tăng 28%; Mozambique tăng 64,7%, Đài Loan tăng 89,8%, đặc biệt Chile tăng đến 26,6 lần (2.661%)... Ngoài ra, xuất khẩu gạo của Việt Nam vào các thị trường khó tính đang được đẩy mạnh như Mỹ tăng 46%, Bỉ tăng 34,1%, Ba Lan tăng 91,7%, Tây Ban Nha tăng 113,4%...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

VỀ CÁC TỶ TRỌNG CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CỦA TRUNG AN

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thị trường	Năm 2023 (hợp nhất)	Tỷ trọng (%)
I	Nội địa	3.642.610.237.773	81,22%
1	Cạo, tấm, cám ...	3.636.241.103.153	99,83%
2	Dịch vụ và hàng hóa khác	6.369.134.620	0,17%
II	Xuất khẩu	842.135.384.873	18,78%
1	Đức	30.189.974.415	3,58%
2	Malaysia	64.116.828.370	7,61%
3	Dubai	23.733.996.765	2,82%
4	Trung Quốc	13.812.404.019	1,64%
5	Hàn Quốc	631.689.645.880	75,01%
6	Hong Kong	22.390.368.000	2,66%
7	Australia	9.718.931.602	1,15%
8	Singapore	44.589.106.080	5,29%
9	USA	1.894.129.742	0,22%
Tổng cộng		4.484.745.622.646	100%

CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%Tăng/Giảm
1	Doanh thu thuần	3.798.020	4.484.746	18,08%
2	Giá vốn hàng bán	3.519.465	4.274.065	21,44%
3	Lợi nhuận gộp	278.555	210.680	-24,37%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	79.829	(11.438)	-114,33%
5	Lợi nhuận khác	5.892	1.177	-80,02%
6	Lợi nhuận trước thuế	85.721	(10.261)	-111,97%
7	Lợi nhuận sau thuế	75.219	(15.562)	-120,69%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	%Thực hiện/ Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	3.800.000	4.484.746	118,02%
2	Lợi nhuận sau thuế	50.000	(15.562)	-120,69%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	-	-

Doanh thu thuần

Đạt

4.484.746

Triệu đồng

vượt

18,02%

So với kế hoạch 2023

Năm 2023, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 4.484.746 triệu đồng, tăng trưởng 18,08% so với năm 2022 và đạt 118,02% so với kế hoạch năm 2023. Tuy nhiên, chi phí giá vốn tăng do chịu sức ép thiếu hụt cung trên thị trường gạo quốc tế đã khiến biên lợi nhuận gộp của Trung An bị "teo hẹp". Với thương hiệu và uy tín hơn 25 năm, Công ty chủ trương cam kết đảm bảo giá bán hợp lý đối với các khách hàng thân thiết, ngoài ra cũng tích cực tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng trên thị trường. Do đó, mặc dù doanh thu thuần tăng, nhưng tốc độ tăng vẫn chậm hơn chi phí giá vốn hàng bán. Bên cạnh đó, mỗi trường lãi suất quốc tế cao đã khiến chi phí lãi vay của Công ty tăng 36,54% so với năm 2022, gây áp lực mạnh lên lợi nhuận gộp vốn đã giảm so với năm trước. Kết quả khiến lợi nhuận thuần và lợi nhuận sau thuế đều ghi nhận lỗ.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	Tổng Giám đốc	-	-
2	Ông Phạm Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	11.000.000	14,04%
3	Bà Phạm Lê Khánh Hân	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Bà Phạm Lê Khánh Huyền	Kế toán trưởng	-	-

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023

Tính đến ngày 31/12/2023

STT	Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Thái Bình	Tổng Giám đốc	12/05/2021	17/08/2023
2	Ông Phạm Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	17/08/2023	-
3	Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	Tổng Giám đốc	17/08/2023	-



THÔNG TIN BAN ĐIỀU HÀNH

Bà Nguyễn Lê Bảo Trang

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 26/02/1978
Trình độ chuyên môn: 12/12

Quá trình công tác:

2005 - 2015	Quản lý kho - Công ty TNHH Trung An
05/2016 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An
17/08/2023 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay: Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác

- Cá nhân: Không có
- Đại diện: Không có

Ông Phạm Thái Bình

Chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 05/10/1956
Trình độ chuyên môn: Trung cấp quản lý Kinh tế

Quá trình công tác:

1978 - 1996	Đại lý thu mua lúa gạo
1996 - 12/2015	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Trung An
09/2009 - nay	Giám đốc Công ty TNHH SXCB Kinh doanh Xuất Khẩu Gạo Việt Đức
07/2012 - nay	Giám đốc Công ty TNHH Novotech Trung Hưng
12/2015 - 08/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An
06/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang
08/2023 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay: Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác

- Cá nhân: 11.000.000 cổ phần, chiếm 14,04% vốn điều lệ
- Đại diện: Không có
- Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang
- Giám đốc Công ty TNHH SXCB Kinh Doanh Xuất Khẩu Gạo Việt Đức
- Giám đốc Công ty TNHH Novotech Trung Hưng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

THÔNG TIN BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

Bà Phạm Lê Khánh Hân

Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh 18/11/1981

Trình độ chuyên môn 12/12

Quá trình công tác:

2000 - 2015 Trưởng phòng xuất nhập khẩu - Công ty TNHH Trung An

12/2015 - nay Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay: Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác

· Cá nhân: Không có

Không có

· Đại diện: Không có

Bà Phạm Lê Khánh Huyền

Kế toán trưởng

Ngày sinh 20/01/1978

Trình độ chuyên môn Trung cấp kế toán

Quá trình công tác:

1999-12/2015 Trưởng phòng Kế toán - Công ty TNHH Trung An

12/2015 - 06/2023 Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An

05/2022 - nay Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay: Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác

· Cá nhân: Không có

Không có

· Đại diện: Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2023

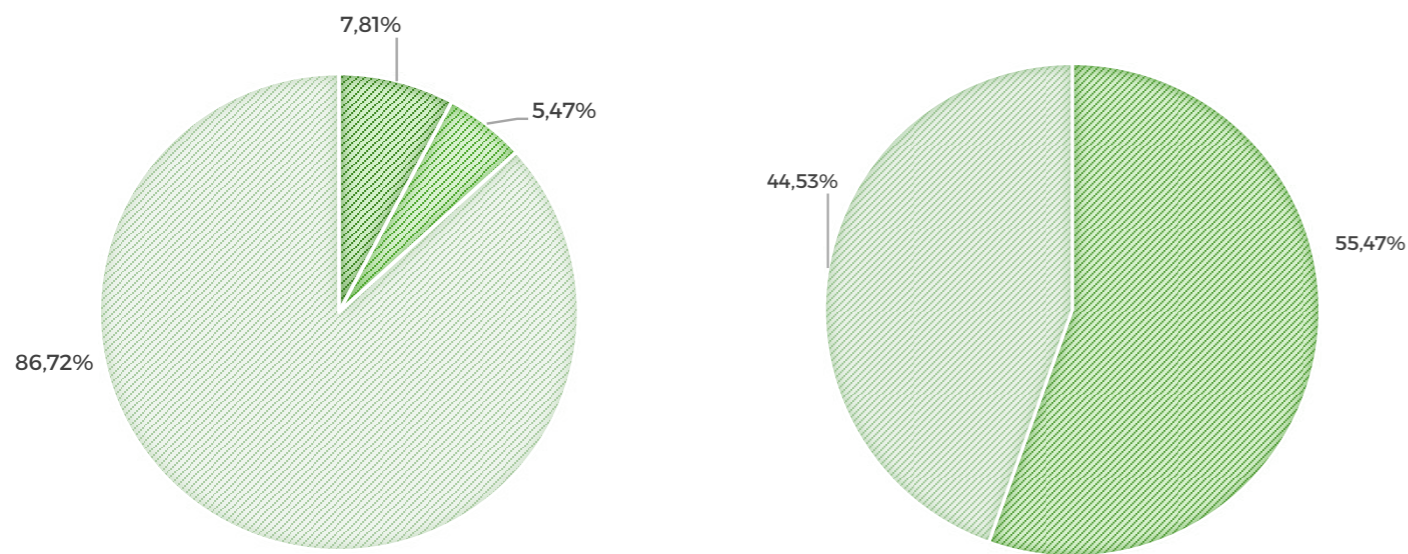
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	128	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	10	7,81%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	7	5,47%
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	111	86,72%
B	Theo thời hạn	128	100,00%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	71	55,47%
2	Hợp đồng dài hạn	57	44,53%
C	Theo giới tính	128	100,00%
1	Nam	82	64,06%
2	Nữ	46	35,94%

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

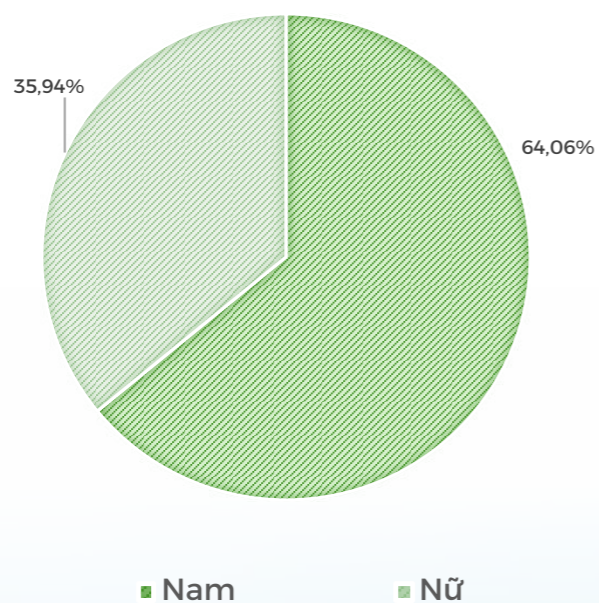
Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	231	193	205	128
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.363.447	9.717.835	10.349.398	10.705.612

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

CƠ CẤU NHÂN SỰ



- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp
- Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ
- Hợp đồng dài hạn



- Nam
- Nữ



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về chính sách tuyển dụng



Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, có kinh nghiệm, có tư cách đạo đức tốt và có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Cụ thể, Công ty mong muốn thu hút được những lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí cần tuyển dụng. Bên cạnh đó, Công ty cũng coi trọng tư cách đạo đức và tinh thần trách nhiệm của người lao động. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu công việc.

Về thời gian làm việc



Công ty tổ chức thời gian lao động theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội và thỏa ước lao động. Cụ thể, thời gian làm việc là 8h/ngày; 06 ngày/tuần, nghỉ trưa 02h; Thực hiện nghỉ ngày chủ nhật; Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên có trách nhiệm làm thêm giờ. Bộ phận gián tiếp sản xuất làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp sản xuất được bố trí làm theo ca.

Về đào tạo



Tại Công ty, việc đào tạo, bồi dưỡng nhân viên nghiệp vụ được thực hiện theo hai hướng chính:

- » **Đối với lao động trực tiếp:** Công ty mở lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về từng khâu, từng sản phẩm.
- » **Đối với lao động tại phòng chuyên môn nghiệp vụ:** Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với đúng ngành nghề, chuyên môn nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu công việc, đồng thời tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về thuế, các chế độ chính sách của Nhà nước.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ (tt)

Về môi trường làm việc



- » Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế thoáng mát, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- » Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, đảm bảo an toàn cho người lao động.
- » Lực lượng lao động gián tiếp được trang bị máy tính hiện đại, có kết nối internet tốc độ cao, đảm bảo hiệu quả công việc

Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ



Chế độ lương thưởng của Công ty được xây dựng dựa trên các yếu tố như cấp bậc công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Lương được chi trả hàng tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày cuối tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định hiện hành, tối thiểu 5%. Chính sách khen thưởng cuối năm dựa vào thực tế kết quả kinh doanh của Công ty, tuy nhiên vẫn đảm bảo khoản thu nhập cuối năm của người lao động không thấp hơn tháng lương bình quân. Ngoài ra, người lao động còn được tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN... cùng chính sách nghỉ mát, du lịch hè hàng năm.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2023, Dự án Xây dựng cánh đồng mẫu Kiên Giang hoàn thành một phần với tổng giá trị lên đến 48.310 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty vẫn còn một số khoản đầu tư khác như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục đầu tư	01/01/2023	31/12/2023
Mua sắm TSCĐ	-	460
Xây dựng cơ bản dở dang	16.820	7.051
Tổng cộng	16.820	7.511

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
Ngắn hạn	57.500	57.500	148.000	148.000
Tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Hongleong Việt Nam	57.500	57.500	57.500	57.500
Tiền gửi tại Ngân hàng Malayan Banking Berhad Việt Nam - chi nhánh TP.HCM	-	-	90.500	90.500
Dài hạn	1.500	1.500	1.500	1.500
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.500	1.500	1.500	1.500
Tổng cộng	59.000	59.000	149.500	149.500

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tt)

CÁC CÔNG TY CON



Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Kinh doanh Xuất khẩu gạo Việt Đức

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
1	Tổng tài sản	16.662.475.912	16.664.590.634	100%
2	Vốn chủ sở hữu	16.660.435.806	16.659.550.528	100%
3	Doanh thu thuần	-	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	(3.252.473)	(885.278)	-

Công ty TNHH Novotech Trung Hưng

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
1	Tổng tài sản	11.378.954.511	11.385.986.085	100%
2	Vốn chủ sở hữu	11.378.036.244	11.384.396.117	100%
3	Doanh thu thuần	-	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	3.673.070	6.359.873	173,15%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.793.132	2.993.983	7,19%
2	Doanh thu thuần	3.798.020	4.484.746	18,08%
3	Lợi nhuận gộp	278.555	210.680	-24,37%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	79.827	(11.438)	-114,33%
5	Lợi nhuận khác	5.892	1.177	-80,02%
6	Lợi nhuận trước thuế	85.719	(10.261)	-111,91%
7	Lợi nhuận sau thuế	75.217	(15.562)	-120,69%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	966	(202)	-120,91%
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	-	-



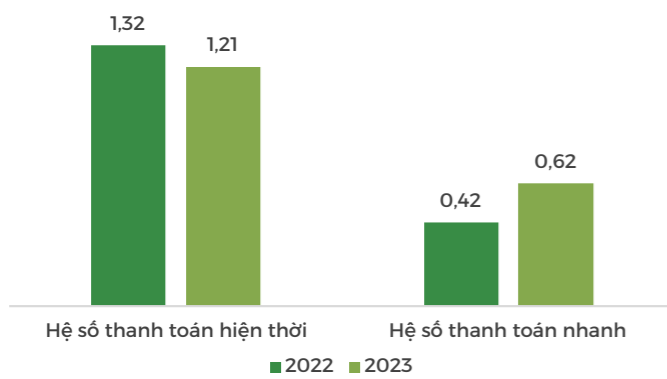
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,32	1,21
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,42	0,62
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,88	60,64
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	131,94	154,07
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,89	3,42
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,59	1,55
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,98	-0,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,96	-1,31
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,14	-0,54
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,10	-0,26

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tt)

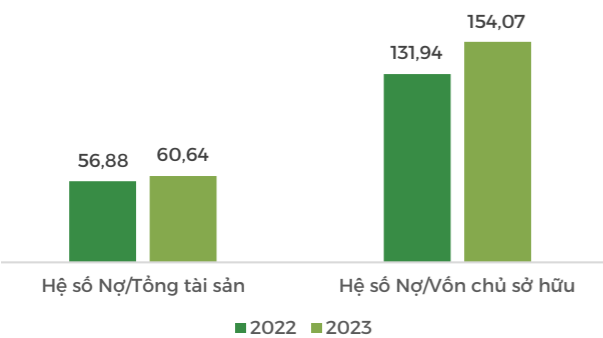
01 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Khả năng thanh toán của Trung An cuối năm 2023 nhìn chung cải thiện so với năm trước. Tổng tài sản ngắn hạn thời điểm 31/12/2023 tăng 5,60% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do sự tác động của hai khoản mục phải thu và tồn kho. Cụ thể, hàng tồn kho giảm 342.647 triệu đồng, tương đương giảm 24,12%, trong đó phần lớn là khoản mục nguyên liệu, vật liệu (giảm 344.237 triệu đồng). Bên cạnh đó, các khoản trả trước cho người bán tăng từ 77.046 triệu đồng cuối năm

2022 lên 568,700 triệu đồng cuối năm 2023, tương đương tăng hơn 6 lần, trong đó ghi nhận năm chủ yếu ở công ty Huỳnh Loan và Golden Rice, lần lượt là 298,509 triệu đồng và 247.886 triệu đồng. Mặt khác, trước tình hình giá gạo tăng theo giá thị trường thế giới, nhu cầu vay vốn bổ sung vốn lưu động của Trung An khiến tổng nợ phải trả thời điểm cuối năm 2023 ghi nhận tăng 14,69% so với cùng kỳ. Trong đó, đóng góp chủ yếu là vay ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, tăng 167.689 triệu đồng. Bên cạnh đó, khoản mục phải trả người bán đối với nhiều đối tác mới ghi nhận tăng 121.791 triệu đồng. Mặc dù cơ cấu tài chính của Trung An chủ yếu ghi nhận ở các khoản mục liên quan đến đối tác, khách hàng, nhưng nguy cơ rủi ro thanh toán của Công ty tương đối thấp do hầu hết đều là đối tác có thương hiệu và uy tín, đã hợp tác lâu năm với Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo vẫn luôn theo dõi sát tình hình tài chính của Công ty để kịp thời ứng phó, đưa ra các giải pháp linh hoạt, thích ứng với từng hoàn cảnh cụ thể.

02 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



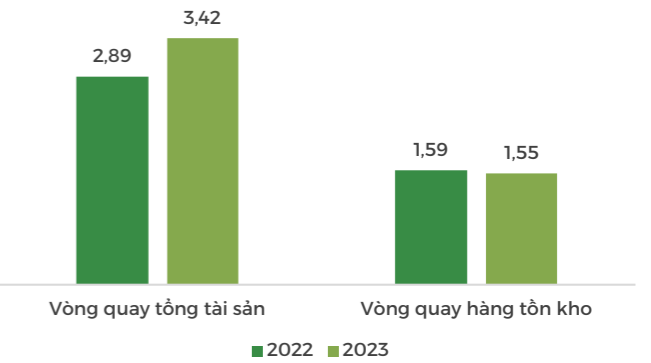
Trong năm 2023, nguồn vốn cung cấp cho nhu cầu vốn lưu động chủ yếu đến từ vay nợ, do đó tại thời điểm cuối năm 2023, hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 56,88% lên 60,64%, còn hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 131,94% lên 154,07%. Các khoản nợ ngắn hạn của Trung An chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ phải trả, lên đến 99,48%, nằm chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại (Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam 542.627

triệu đồng, Ngân hàng First Commercial Bank 403.008 triệu đồng, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín 293.444 triệu đồng) với mục đích bổ sung vốn lưu động, chiết khấu, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong khi nợ phải trả của Công ty tăng 14,27% thì vốn chủ sở hữu lại ghi nhận giảm 2,15% do kết quả kinh doanh năm 2023 ghi nhận lỗ. Mặc dù hai hệ số cơ cấu vốn tăng so với năm trước nhưng tỷ trọng nợ vẫn giữ ở mức tương đối an toàn, Công ty tận dụng tốt lá chắn thuế từ lãi vay.

03 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Nhu cầu và giá gạo thế giới tăng chóng mặt trong năm 2023 đã khiến vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp tăng từ 2,89 vòng lên 3,42 vòng. Cụ thể, Trung An tăng cường hoạt động xuất khẩu ra các quốc gia bị ảnh hưởng bởi lệnh hạn chế xuất khẩu gạo của Ấn Độ, đồng thời hợp tác đẩy mạnh mảng tiêu thụ trong nước thông qua hợp tác với các đại lý ở khu vực miền Trung đến miền Tây. Do đó, Công ty ghi nhận giá vốn hàng bán tăng trưởng mạnh 21,44% và hàng tồn giảm 24,12%, kết quả làm vòng quay hàng

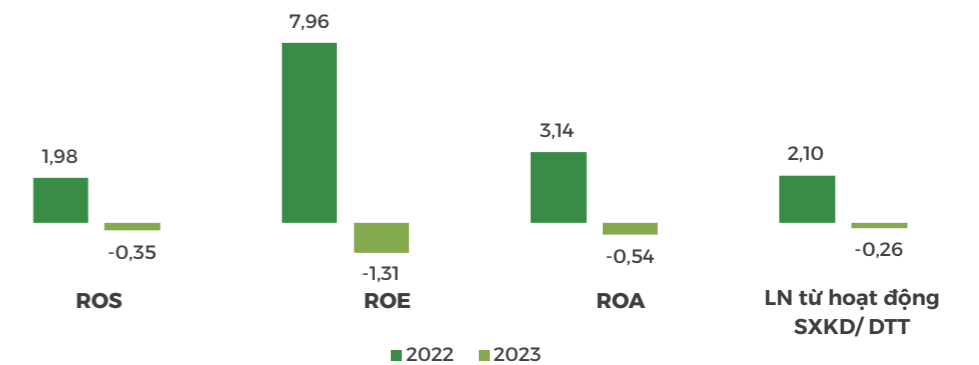


tồn kho giảm so với năm trước. Tương tự, doanh thu thuần trong năm 2023 cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng 18,08%. Tuy nhiên, vốn chủ sở hữu của Trung An cuối năm 2023 giảm nhẹ 2,15% so với cùng kỳ, trong khi năm 2022 ghi nhận tăng gấp đôi do phát hành cổ tức bằng cổ phiếu, kết quả làm tổng tài sản bình quân năm 2023 tăng 20,72% so với bình quân năm 2022. Do đó, mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng vòng quay tổng tài sản gần như đi ngang so với năm trước. Nhìn chung, điểm sáng trong năm 2023 nằm ở hàng tồn kho của Công ty khi đã tận dụng thời cơ thị trường để tái cơ cấu hàng hóa, thành phẩm đồng thời đầu tư, chuẩn bị cho các sản phẩm hữu cơ, chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chí nhập khẩu của các quốc gia phát triển.

04 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Mặc dù kết quả kinh doanh trong năm 2023 vô cùng tích cực, nhưng lợi nhuận thuần của Công ty bị bào mòn đáng kể từ các chi phí như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và đặc biệt là chi phí lãi vay tăng gần 40%, từ 89.077 triệu đồng năm 2022 lên 121.622 triệu đồng năm



2023. Theo đó, lượng vốn vay lũy kế trong năm không thay đổi nhiều so với năm trước, nhưng chính lãi suất tăng, tỷ giá biến động mạnh bắt nguồn từ thay đổi chính sách tiền tệ của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã khiến chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá tăng mạnh. Thêm vào đó, trong năm 2023 Công ty phải thanh lý hủy không thể thu hồi một số hàng hóa hư hỏng đã dẫn đến lợi nhuận sau thuế ghi nhận âm 15.562 triệu đồng, kết quả làm các hệ số khả năng sinh lời đều giảm mạnh so với năm trước. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất Việt Nam đồng năm 2024 được kỳ vọng sẽ duy trì ổn định ở mức thấp, còn lãi suất đồng Đô La sẽ bắt đầu xu hướng giảm do thay đổi chính sách của Cục dự trữ Liên bang Mỹ, Ban Lãnh đạo Trung An sẽ tận dụng thời cơ này để giảm bớt gánh nặng lãi vay, và các chi phí khác, giúp Công ty hoạt động, sinh lời hiệu quả hơn.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 78.319.777 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 78.319.777 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA 0% (*)

(*) Căn cứ theo Công văn số 2495/UBCK-PTTT ngày 02/06/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 29/03/2024

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	78.258.071	782.580.710.000	99,92%
1	Cá nhân	77.803.882	778.038.820.000	99,34%
2	Tổ chức	454.189	4.541.890.000	0,58%
III	Cổ đông nước ngoài	61.706	617.060.000	0,08%
1	Cá nhân	47.682	476.820.000	0,06%
2	Tổ chức	14.024	140.240.000	0,02%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I+II+III)		78.319.777	783.197.770.000	100%

CỔ ĐÔNG LỚN

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 29/03/2024

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ông Phạm Thái Bình	2A1, Võ Thị Sáu, P. An Hội	11.000.000	14,04%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lần	Thời điểm hoàn thành	Vốn điều lệ trước phát hành (đồng)	Số vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	Năm 2015: Chuyển đổi loại hình từ TNHH sang CTCP	200.000.000.000	350.000.000.00	200.000.000.000	-	-
2	2017	200.000.000.000	70.563.001.129	270.563.001.129	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	NQ số 05-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 15/09/2017 thông qua việc góp vốn bằng tài sản của các cổ đông; Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 thay đổi lần thứ 18 ngày 23/3/2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.
3	2018	270.563.001.129	79.436.998.871	350.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NQ số 06-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 26/10/2017; Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800241736 thay đổi lần thứ 19 ngày 23/11/2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.
2	04/09/2020	350.000.000.000	69.999.770.000	419.999.770.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐQT/TAR ngày 29/06/2020; Nghị quyết HĐQT 08/2020/TAR/NQ-HĐQT ngày 04/09/2020 Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019;
3	2021	419.999.770.000	41.999.560.000	461.999.330.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐQT/TAR ngày 27/04/2021; Nghị quyết HĐQT số 06-2017/TAG/NQ-HĐQT ngày 26/10/2017;
4	10/01/2022	461.999.330.000	250.000.000.000	711.999.330.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐHĐ/TAR ngày 27/04/2021; Nghị quyết HĐQT số 01/2022/TAR/NQ-HĐQT ngày 10/01/2022 về Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
5	20/06/2022	711.999.330.000	71.198.440.000	783.197.770.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐHĐ/TAR ngày 27/06/2022; Nghị quyết HĐQT số 21/2022/TAR/NQ-HĐQT ngày 20/06/2022.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG

LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TRUNG AN

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Trung An luôn song hành bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên về luật bảo vệ môi trường, bao gồm các quy định của Sở, Ban, Ngành địa phương về tiêu thụ nước, sử dụng năng lượng và các công tác liên quan. Đồng thời, Công ty còn phổ biến những những ảnh hưởng tác động đến môi trường và cách phòng tránh, khắc phục cho người nông dân, nhất là tại những hộ trong mô hình liên kết của Công ty.

Sáng kiến, giải pháp khắc phục hiện tượng nhà kính:

Giảm thiểu khí thải nhà kính, chống biến đổi khí hậu là một trong những ưu tiên hàng đầu của Trung An. Công ty luôn chú trọng giám sát bảo vệ môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Tại các nhà máy, cơ sở hoạt động của Công ty đề lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản và chi tiết theo quy mô hoạt động, định kỳ giám sát, kiểm tra và báo cáo theo đúng quy định. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên kiểm tra các chỉ tiêu tiêu thụ điện nước, phát thải... để kịp thời xử lý, khắc phục theo hướng tiết kiệm, an toàn, hiệu quả. Các kết quả quan trắc môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn hiện hành.

Trung An đã và đang từng bước chuyển đổi sang sử dụng nguồn năng lượng xanh, sạch, góp phần xây dựng tương lai phát triển bền vững. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, Công ty cam kết đồng hành cùng cộng đồng bảo vệ môi trường, vì một tương lai "xanh - sạch - đẹp" cho thế hệ mai sau.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Trung An cam kết bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng nguyên vật liệu và bao bì thân thiện với môi trường trong tất cả các hoạt động sản xuất và kinh doanh. Công ty phối hợp cùng các cơ quan chức năng, đơn vị nghiên cứu để chọn lựa, sử dụng những loại phân bón hữu cơ thân thiện với môi trường và người tiêu dùng. Đồng thời, trong quá trình chế biến và đóng gói, Công ty sử dụng những thành phần, bao bì được sản xuất bởi những doanh nghiệp uy tín, có đầy đủ các giấy phép, chứng nhận liên quan đến bảo vệ môi trường. Ngoài chọn lựa và sử dụng những nguồn nguyên liệu phù hợp với môi trường, Công ty còn tuân thủ các quy trình nội bộ một cách chặt chẽ về kiểm soát, bảo quản nguyên vật liệu, vừa giúp giảm chi phí cho Công ty, vừa tránh lãng phí tài nguyên xã hội.

- » Lượng bao bì dùng trong quá trình đóng gói sản phẩm của Công ty: **893.439 cái**
- » Khối lượng nguyên liệu chính cho quá trình sản xuất thành phẩm: **183.373 tấn**

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG

LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TRUNG AN (tt)

TIÊU THỤ ĐIỆN

Nguồn điện được sử dụng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty phần lớn cung cấp từ hệ thống điện quốc gia bởi Công ty, và một phần nhỏ từ hệ thống điện mặt trời của riêng Trung An. Ngoài ra, Công ty cũng tự trang bị hệ thống máy phát điện chạy bằng xăng để phục vụ cho những trường hợp bất ngờ, đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty. Ngoài ra, Trung An còn sử dụng xăng dầu để cung cấp năng lượng cho các phương tiện sản xuất, vận tải khác. Đối với khu vực văn phòng, Công ty sử dụng loại đèn tiết kiệm năng lượng và chủ động tắt khi không sử dụng để giảm chi phí vận hành và tiết kiệm năng lượng. Với mục tiêu phát triển bền vững, Trung An cam kết tiếp tục áp dụng các biện pháp hiệu quả để sử dụng năng lượng một cách hợp lý và tiết kiệm, đồng thời nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng năng lượng hiệu quả.

» Lượng điện tiêu thụ trực tiếp: **3.150.000 kWh**

TIÊU THỤ NƯỚC

Với tầm nhìn dài hạn và trách nhiệm bảo vệ môi trường, Trung An luôn chú trọng triển khai các biện pháp tiết kiệm nước hiệu quả. Nhờ áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ, Công ty đã giảm thiểu đáng kể lượng nước tiêu thụ trong các hoạt động sản xuất và sinh hoạt.

Trung An sử dụng nguồn nước sạch được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khắt khe về chất lượng nước cho sản xuất và sinh hoạt. Hằng năm, Ban Lãnh đạo công ty đều tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống đường dẫn nước của toàn bộ nhà máy và xí nghiệp, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, không gián đoạn.

Ngoài ra, nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn tại cơ sở giảm khoảng 70% nồng độ ô nhiễm. Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ thoát vào cống chung theo quy định, đáp ứng theo quy định ngành xây dựng và yêu cầu của chính quyền địa phương.

Bên cạnh việc đầu tư vào hệ thống, Trung An còn chú trọng nâng cao ý thức của cán bộ, nhân viên trong việc sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và khuyến khích, công ty đã tạo dựng được văn hóa sử dụng nước tiết kiệm trong toàn thể cán bộ, nhân viên.

Tổng lượng nước tiêu thụ: **8.820 m³**



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số cán bộ công nhân lao động của công ty là **128 người**. Thu nhập bình quân đạt **10.705.612 đồng/người/tháng**.

Chính sách và phúc lợi được thực hiện tại Công ty đều tuân thủ nguyên tắc công bằng và minh bạch, thể hiện sự quan tâm và tôn trọng đến toàn bộ nhân viên của Trung An. Tất cả cán bộ và nhân viên đều được ký kết hợp đồng lao động đầy đủ và tham gia các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ quyền lợi của họ.

Hơn nữa, Công ty còn tổ chức các khóa đào tạo và tập huấn để tăng cường năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên. Điều này giúp phân công công việc phù hợp với trình độ và kỹ năng của từng cá nhân trong đội ngũ lao động. Các hoạt động đoàn kết cũng được tổ chức một cách đầy đủ và nghiêm túc, nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động. Cụ thể, trong năm 2023, Công ty đã tiến hành các khóa đào tạo như sau:

- » Đào tạo PCCC cho nhân viên: **5.000.000 đồng**
- » Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: **20.000.000 đồng**
- » Đào tạo Vệ sinh an toàn thực phẩm: **10.000.000 đồng**

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trung An hướng đến sự phát triển bền vững thông qua việc tham gia các hoạt động an sinh xã hội. Mỗi năm, Ban Lãnh đạo cùng chính quyền địa phương và các đối tác tổ chức gặp mặt, thăm hỏi và tặng quà cho những hoàn cảnh khó khăn trong khu vực tỉnh Cần Thơ và các tỉnh lân cận. Trong năm 2023, Công ty đã đóng góp cho học sinh nghèo đến trường qua chương trình Quỹ học bổng Vừ A Dính, tổng giá trị lên đến **315.000.000 đồng**.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Trung An rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

CHƯƠNG 03

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	%Tăng/Giảm so với cùng kỳ	% TH2023/KH2023
Tổng giá trị tài sản	2.793.132	-	2.993.983	7,19%	-
Doanh thu thuần	3.798.020	3.800.000	4.484.746	18,08%	118,02%
Lợi nhuận gộp	278.555	-	210.680	-24,37%	-
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	79.827	-	(11.438)	-114,33%	-
Lợi nhuận khác	5.892	-	1.177	-80,02%	-
Lợi nhuận trước thuế	85.719	-	(10.261)	-111,97%	-
Lợi nhuận sau thuế	75.219	50.000	(15.562)	-120,69%	-20,69%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	966	-	-202	-120,91%	-
Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	-	-	-

Nhận xét:

“ Giá gạo đầu vào tăng, lãi suất cho vay tăng bào mòn lợi nhuận trong năm 2023.



Năm 2023 được coi là 1 năm thành công của ngành lúa gạo nói riêng và cả ngành Nông nghiệp Việt Nam nói chung. Theo Tổng Cục Hải quan, năm 2023 Việt Nam xuất khẩu 8,13 triệu tấn gạo với kim ngạch 4,67 tỷ USD, tăng lần lượt 14,4% và 35,3% so với năm trước. Những thành tựu đạt được của ngành lúa gạo đến từ nguyên nhân vụ mùa bội thu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và bất ổn nguồn cung do Ấn Độ cấm xuất khẩu lúa gạo từ tháng 7/2023 đã đẩy giá gạo lên cao. Do đó, người nông dân trồng lúa vừa được mùa, vừa được giá dẫn đến thu nhập tăng lên đáng kể.

Tuy nhiên, giá gạo tăng cao cũng làm tăng chi phí đầu vào của các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gạo, trong khi giá cả đầu ra đã xác định từ trước trong hợp đồng thương mại, dẫn đến lợi nhuận gộp giảm gần 25% so với năm 2022. Mặt khác, một số lô hàng xuất khẩu bị hủy không thể thu hồi tại cảng cùng với chi phí tài chính tăng mạnh do ảnh hưởng từ biến động môi trường lãi suất, tỷ giá dẫn đến doanh thu bị bào mòn, lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ.



Ông Phạm Thái Bình
Phó TGD kiêm Chủ tịch HĐQT

“ Thương hiệu gạo Việt Nam chỉ mạnh và bền vững khi được xây dựng trên mô hình liên kết theo chuỗi giá trị từ cánh đồng đến bàn ăn. Từ năm 2012, sau khi liên kết với nông dân sản xuất hơn 400ha lúa với một loại giống do Công ty Trung An cung cấp để nông dân gieo sạ, Công ty đã ký hợp đồng xuất khẩu lô gạo đầu tiên khá lớn chỉ một loại giống lên đến 570 USD/tấn (tại thời điểm đó gạo 5% tấm hỗn hợp chỉ bán tối đa khoảng 490 USD/tấn). Từ hợp đồng đầu tiên này, đã đánh thức tư duy làm thay đổi suy nghĩ nhiều DN và nông dân trồng lúa về sản xuất gắn với yêu cầu của thị trường. Sau đó, mô hình liên kết giữa DN với nông dân đã lan rộng khắp các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nhiều loại giống lúa thơm, chất lượng cao đã được triển khai canh tác rộng rãi ở nhiều địa phương.

Hiện 100% gạo sạch Trung An xuất khẩu vào châu Âu hoặc Mỹ được đóng gói bao bì với thương hiệu rõ ràng “**Gạo sạch Trung An**”, điều mà từ nhiều năm trước gạo Việt Nam xuất khẩu luôn phải có tên nhà nhập khẩu. Các thương nhân ở châu Âu và Mỹ muốn mua gạo, bún, phở của Công ty Trung An cũng phải đóng bao bì với nhãn mác, logo mang thương hiệu Trung An và các sản phẩm này hiện đều được người tiêu dùng châu Âu và Mỹ rất tin dùng.

ĐÁNH GIÁ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2023, Trung An gặp một số thuận lợi cũng như khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

THUẬN LỢI

- 01 Các hợp đồng liên kết sản xuất với nhà nông ở dự án Cánh đồng mẫu lớn và các khu vực khác giúp Trung An tự chủ, ổn định nguồn cung cả về sản lượng lẫn giá bán, đảm bảo hương vị thơm ngon theo đúng "Quy trình xanh - Sản phẩm sạch" đến tay người dùng.
- 02 Với tôn chỉ "Chất lượng trên từng hạt gạo", Các sản phẩm hữu cơ chất lượng cao của Trung An tiếp tục thâm nhập sâu vào các thị trường khó tính đòi hỏi chất lượng cao như Châu Âu, Hàn Quốc, Australia. Theo đó, Trung An đã ký nhiều hợp đồng xuất khẩu thành công với nhiều đối tác, nhận được nhiều lời nhận xét, công nhận về uy tín và thương hiệu Công ty.
- 03 Bất ổn nguồn cung xuất phát từ lệnh cấm xuất khẩu lương thực của Ấn Độ đã ảnh hưởng mạnh đến giá gạo quốc tế, cũng như tạo cơ hội để Trung An mở rộng thị phần xuất khẩu của mình. Mặt khác, xu hướng chuyển từ lúa mì sang lúa gạo do ảnh hưởng từ xung đột Nga - Ukraina tiếp tục làm tăng nhu cầu tiêu thụ gạo của một số quốc gia Châu Âu
- 04 Sản xuất nông nghiệp năm 2023 đạt nhiều thắng lợi, diện tích sản xuất lúa gạo có giảm nhẹ nhưng năng suất tăng tương đối, vừa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, vừa tạo dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu gạo tận dụng các đơn hàng quốc tế.

KHÓ KHĂN

- 01 Năm 2023, thế giới tiếp tục tiến trình hồi phục sau đại dịch, tuy nhiên vẫn tồn đọng nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là các xung đột vũ trang quốc tế, lạm phát tiếp tục neo cao, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng thắt chặt. Doanh số các sản phẩm hữu cơ chất lượng cao theo đó cũng bị ảnh hưởng không ít tại các thị trường Châu Âu, Hàn Quốc, Australia,... Mặt khác, chi phí vận chuyển, chi phí bán hàng tiếp tục neo ở mức cao, ảnh hưởng kết quả lợi nhuận của Công ty.
- 02 Môi trường lãi suất tiếp tục là hòn đá tảng lớn kìm hãm kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào vốn vay ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động như Trung An.
- 03 Khí hậu thay đổi, nhiệt độ toàn cầu nóng dần, thiên tai, bão lũ,... tiếp tục ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến và bảo quản của Trung An.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

01 Tổ chức và quản lý

- » Tiếp nối định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông và Ban Lãnh đạo phê duyệt, năm 2023, Trung An tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý so với 2022. Nhờ sự đồng bộ và nhất quán này, Công ty đã tạo dựng nền tảng vững chắc để phát triển toàn diện.

02 Nâng cao hiệu quả

- » Nâng cao hiệu quả công việc và thu nhập tiếp tục là mục tiêu trọng tâm của Công ty trong năm nay. Để thực hiện mục tiêu này, công ty đã triển khai xây dựng hệ thống chỉ tiêu hiệu quả công việc KPIs cho từng cá nhân, bao gồm cả nhân sự quản lý điều hành. Đây là một bước tiến quan trọng nhằm nâng cao chất lượng quản lý, điều hành doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công việc của mỗi nhân viên.
- » Hệ thống KPIs được xây dựng dựa trên những tiêu chí cụ thể, rõ ràng và đo lường được. Việc tuân thủ chặt chẽ chế độ giao nhận, báo cáo kết hợp với hệ thống KPIs giúp từng nhân viên chủ động xây dựng kế hoạch công việc, hoàn thiện năng lực bản thân và nhận mức lương, thưởng tương xứng với hiệu quả công việc.

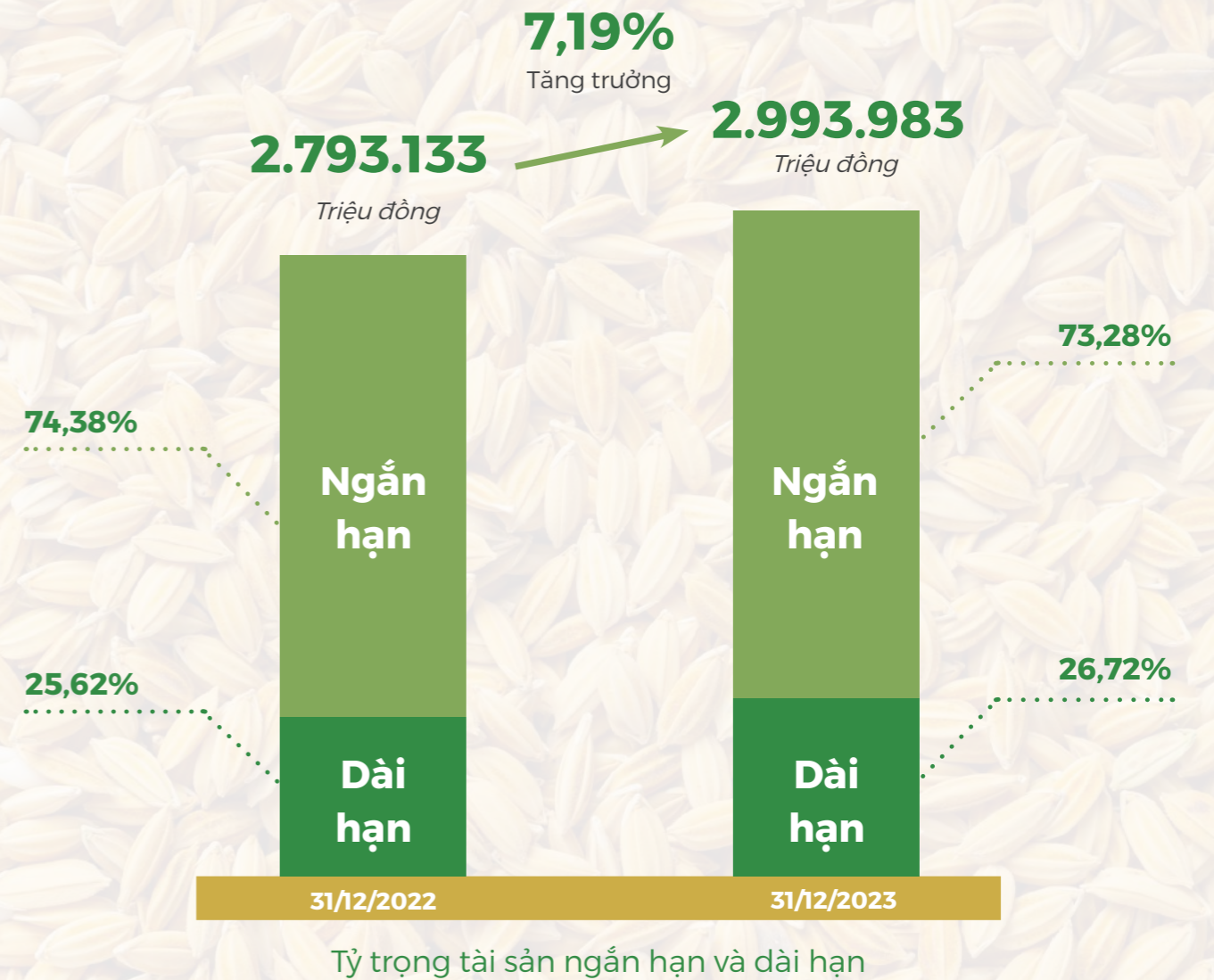
“ Với những cải tiến trong cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý, Trung An tin tưởng sẽ tạo động lực mạnh mẽ để toàn thể cán bộ nhân viên đoàn kết, nỗ lực hết mình, góp phần đưa Công ty phát triển bền vững và đạt được những thành công mới trong tương lai.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	2.077.608	74,38%	2.193.900	73,28%
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.151	0,68%	14.041	0,64%
Các khoản phải thu ngắn hạn	620.168	29,85%	1.076.085	49,05%
Hàng tồn kho	1.420.684	68,38%	1.078.037	49,14%
Tài sản ngắn hạn khác	22.604	1,09%	25.737	1,17%
Tài sản dài hạn	715.525	25,62%	800.082	26,72%
Tài sản cố định	621.516	86,86%	625.208	78,14%
Tài sản dở dang dài hạn	16.820	2,35%	7.510	0,94%
Đầu tư tài chính dài hạn	73.773	10,31%	164.279	20,53%
Tài sản dài hạn khác	916	0,13%	3.086	0,39%
Tổng tài sản	2.793.133	100%	2.993.983	100,00%



Cấu trúc tài sản của Trung An tại thời điểm cuối năm 2023 duy trì tương tự với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, cấu trúc trong tài sản ngắn hạn đã có sự thay đổi đáng kể, đặc biệt giữa 2 khoản mục phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Cụ thể, bối cảnh khủng hoảng lương thực, thực phẩm trên thế giới đã thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng gạo chủ lực của Công ty, ở cả khu vực trong nước và quốc tế. Do đó, hàng tồn kho của Công ty giảm từ 1.420.684 triệu đồng còn 1.078.037 triệu đồng, tỷ trọng trong tổng tài sản ngắn hạn theo đó cũng giảm từ 68,38% còn 49,14%. Thay vào đó, các khoản phải thu ngắn hạn của Trung An tăng từ 620.168 triệu đồng lên 1.076.085 triệu đồng. Nguyên nhân cho sự thay đổi này đến từ các hợp đồng giao dịch của Trung An với hai công ty đối tác lâu năm là Golden Rice và Huỳnh Loan (ghi nhận ở mục trả trước cho người bán lần lượt là 247.886 triệu đồng và 298.509 triệu đồng)

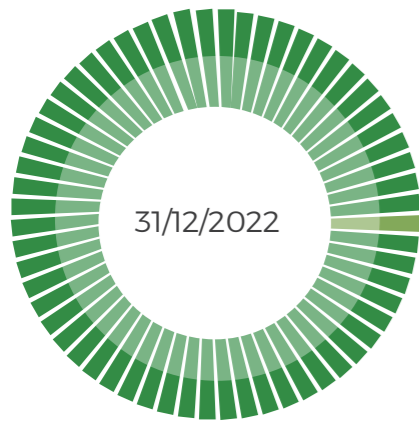
Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định thời điểm cuối năm ghi nhận tăng nhẹ 0,59% so với cùng kỳ đồng thời chiếm tỷ trọng lớn nhất. Sự tăng lên đến từ nguyên nhân trong năm 2023 Công ty đã đầu tư một số máy móc, phương tiện, nhà xưởng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Điểm đặc biệt trong cơ cấu tài sản dài hạn là tỷ trọng khoản mục đầu tư tài chính dài hạn tăng từ 10,31% lên 20,53% do ghi nhận khoản tiền gửi dài hạn tăng lên. Tuy vậy, sự biến động trong tài sản dài hạn không ảnh hưởng nhiều đến cấu trúc tổng tài sản, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng trên hai phần ba. Đây là đặc thù của ngành sản xuất, đặc biệt đối với ngành gạo.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	1.574.767	99,11%	1.806.157	99,48%
Nợ dài hạn	14.100	0,89%	9.413	0,52%
Tổng nợ phải trả	1.588.867	100%	1.815.570	100%



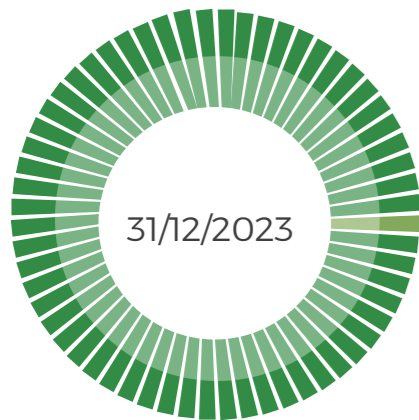
Nợ ngắn hạn:

99,11%

Nợ dài hạn:

0,89%

Với đặc thù là các doanh nghiệp sản xuất, Trung An chủ yếu tài trợ vốn lưu động bằng các khoản nợ ngắn hạn do tính chất linh hoạt và kịp thời. Cụ thể, tại thời điểm cuối năm 2023, nợ ngắn hạn ghi nhận ghi nhận tăng 231.390 triệu đồng, tương đương 14,69%. Trong đó, tỷ trọng của khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm đến 85,42%. Mặt khác, khoản mục nợ dài hạn ghi nhận giảm 33,24% chủ yếu do Công ty đã tắt toán khoản nợ với ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm, đồng thời trả bớt khoản vay dài hạn của Chailease. Do đó, tỷ trọng nợ ngắn hạn thời điểm cuối năm 2023 chiếm đến 99,48% trong tổng nợ phải trả.



Nợ ngắn hạn:

99,48%

Nợ dài hạn:

0,52%



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Nhằm đảm bảo sự đồng bộ, nhất quán trong định hướng phát triển chung đã được Đại hội đồng cổ đông và Ban Lãnh đạo đề ra, công ty đã giữ nguyên cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý hiện hành. Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả công việc, chất lượng công việc và thu nhập của người lao động, công ty đã triển khai xây dựng hệ thống chỉ tiêu hiệu quả công việc (KPIs) cho từng cá nhân, bao gồm cả nhân sự quản lý điều hành. Đây là một bước tiến quan trọng giúp nâng cao chất lượng quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Việc áp dụng KPIs gắn liền với chế độ giao nhận, báo cáo, thời hạn và chỉ tiêu đo lường hiệu quả công việc đã tạo động lực cho từng nhân viên trong việc chủ động xây dựng kế hoạch công việc, hoàn thiện năng lực bản thân. Nhờ đó, họ có thể nhận được mức lương, thưởng tương ứng với hiệu quả công việc của mình. Với những nỗ lực trong công tác quản trị doanh nghiệp, Trung An đã đạt được những thành công đáng khích lệ trong năm 2023. Đây là nền tảng vững chắc để công ty tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	
		Riêng	Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	2.600.000.000.000	3.100.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	26.000.000.000	31.000.000.000

Dự kiến trong năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai các kế hoạch cụ thể như sau:

01 Ngành nghề sắp tới

Công ty dự định phát triển chuỗi giá trị trong ngành lương thực bằng cách đầu tư vào dịch vụ du lịch nông nghiệp và mở rộng hoạt động sản xuất. Công ty sở hữu một vùng nguyên liệu rộng lớn bao gồm 800 ha đất canh tác hữu cơ và rừng tràm tự nhiên với đa dạng các loài chim. Để tối ưu hóa hạ tầng, công ty quy hoạch trồng nhiều loại cây ăn trái và cây thảo dược, tạo nên quần thể du lịch nông nghiệp sinh thái, nhằm mang lại trải nghiệm nghỉ dưỡng cho khách hàng quan tâm đến thiên nhiên và nông nghiệp hữu cơ. Ngoài ra, công ty còn chú trọng bảo tồn và phát triển tự nhiên, đầu tư vào năng lượng sạch và tái tạo, cũng như phát triển sản phẩm phụ từ gạo như bột, bún, và phở khô, nhận được sự tin dùng từ người tiêu dùng trong và ngoài nước.



01 Sản xuất Kinh doanh

Về mảng sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc tập trung phát huy thế mạnh cốt lõi của Công ty, đó là kinh doanh lương thực và xuất khẩu gạo. Nhằm hướng đến sự bền vững và ổn định trong liên kết cạnh tranh với nông dân, đồng thời chia sẻ lợi ích thực sự cho họ, Ban Tổng Giám đốc đã nghiên cứu, tiến hành tổ chức lại cơ chế điều hành giá mua, giá bao tiêu và giá bán. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng chăm sóc khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng tiềm năng để mở rộng thị trường xuất khẩu, gia tăng kim ngạch xuất khẩu trong những năm tiếp theo. Công ty cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để cắt giảm chi phí hoạt động, như hợp qua mạng, làm việc từ xa, giao nhận nhiệm vụ trên hệ thống.

02 Nhân sự

Nâng tầm đội ngũ nhân sự là chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Công ty tập trung vào hai mảng chính: hoàn thiện đội ngũ quản lý và xây dựng văn hóa công ty đa thế hệ. Các chương trình huấn luyện, đào tạo chuyên sâu cùng chính sách luân chuyển, thăng tiến phù hợp sẽ được áp dụng cho đội ngũ quản lý. Bên cạnh đó, môi trường làm việc đa thế hệ sẽ được khuyến khích để tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Với chiến lược này, Công ty tin tưởng sẽ xây dựng được đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, gắn bó lâu dài, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

03 Tài chính

Với tầm nhìn chiến lược, Công ty ưu tiên sử dụng các hình thức tín dụng dài hạn. Nhờ vậy, nguồn vốn được đảm bảo ổn định, giúp giảm thiểu áp lực chi phí lãi vay và thanh toán nợ đến hạn. Đồng thời, Công ty tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ nông nghiệp do Chính phủ triển khai. Song song đó, Công ty cũng hướng đến mục tiêu giảm vay, từ đó tạo lập nền tảng tài chính vững mạnh cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

TRONG TƯƠNG LAI (TT)

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024

01

Vùng lúa chất lượng cao, thu mua chế biến xuất khẩu gạo 15.000 ha tại tỉnh Phú Yên

UBND tỉnh đã cấp Quyết định chấp thuận đầu tư



02

Nhà máy điện rác tại tỉnh Phú Yên

UBND tỉnh đã ký ghi nhớ, công ty đang hoàn thiện hồ sơ để UBND tỉnh cấp QĐ chủ trương đầu tư

03

Vùng lúa chuyên canh chất lượng cao và phát thải thấp 50.000 ha tại tỉnh Kiên Giang trong Đề án 1 triệu ha mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 11/2023

Đang lập Dự án đầu tư



04

Nhà máy điện rác tại tỉnh Sóc Trăng

UBND tỉnh đã trình Bộ Công thương từ năm 2021 và đang hoàn thiện hồ sơ để cấp QĐ chủ trương đầu tư cho công ty.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

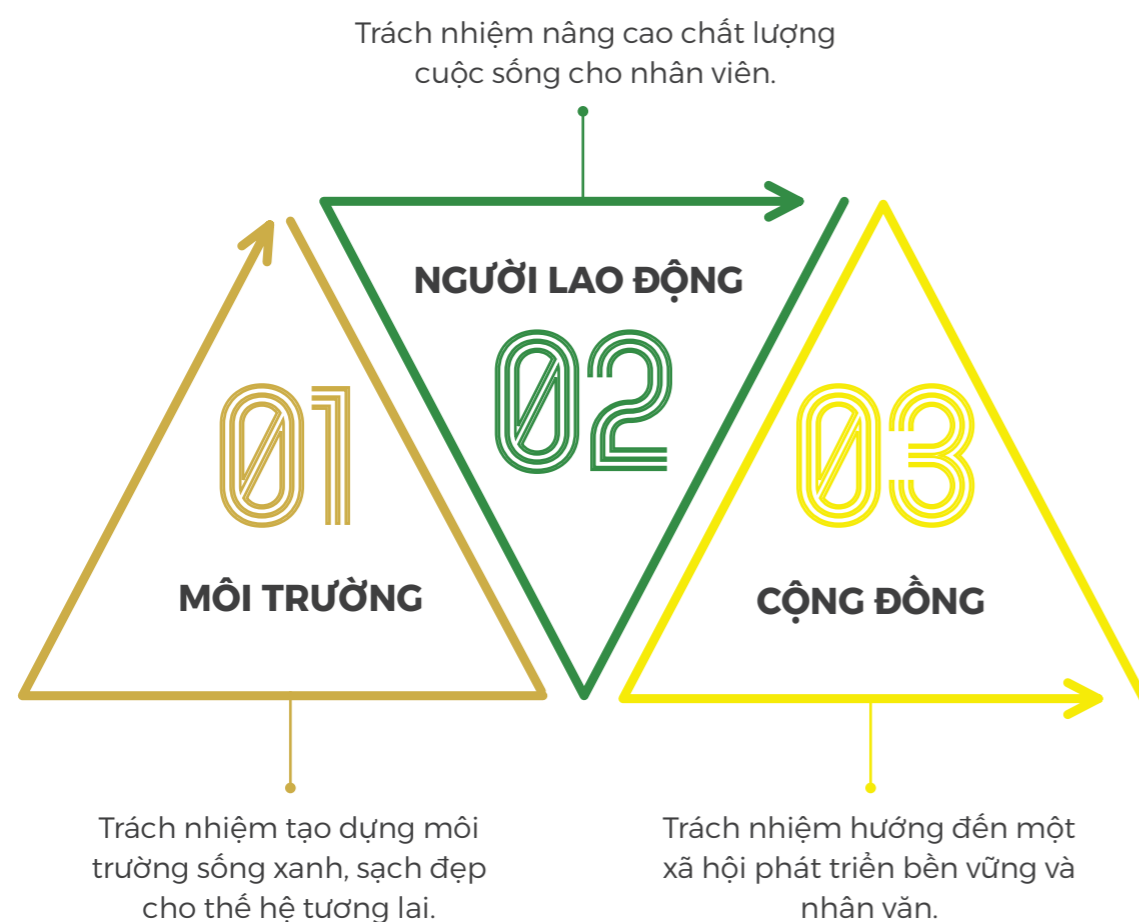
ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Trung An được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía nam (AASCS) với kết quả Báo cáo là "Từ chối đưa ra ý kiến" với các lý do sau:

- » Hiện tại, Công ty đang chờ kết quả xác minh của cơ quan chức năng về các vấn đề được nêu trong Kết luận thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 13/09/2023 bao gồm: Chủ sở hữu của 15 triệu cổ phiếu TAR trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty; Việc lập hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ năm 2021; Thông tin liên quan đến số liệu hàng tồn kho công bố trên Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán với giá trị 1.255.542.463.892 đồng. Công ty kiểm toán không thể đánh giá và định lượng mức độ ảnh hưởng của các vấn đề này đến các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, các vấn đề nêu trên vẫn chưa được xử lý và tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty.
- » Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (Công ty mẹ) không tiến hành kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 và cũng không thể hỗ trợ việc kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm kiểm toán. Với những hồ sơ hiện lưu giữ tại Công ty, Công ty kiểm toán không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán truy hồi số liệu hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất với số tiền 965.372.768.579 đồng.
- » Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang (Công ty con) có tiến hành kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023, tuy nhiên tại thời điểm đó, đơn vị kiểm toán chưa được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty và Công ty cũng không thể hỗ trợ việc kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm kiểm toán, với những hồ sơ lưu giữ tại Công ty, AASCS không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán truy hồi số liệu hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 được trình bày trên BCTC công ty con và BCTC hợp nhất với số tiền 112.663.953.950 đồng.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Trung An nhận thức sâu sắc về trách nhiệm của Công ty đối với môi trường, người lao động và cộng đồng địa phương nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Năm 2023 đánh dấu những bước tiến mạnh mẽ của Công ty trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường. Chúng tôi triển khai các mô hình nông nghiệp tốt, quản lý tài nguyên nước hợp lý, xử lý rơm rạ an toàn, hướng dẫn nông dân sử dụng nông dược và tiêu hủy vỏ bao bì theo quy định. Tại các nhà máy sản xuất, hệ thống xử lý nước thải hiện đại được áp dụng, cùng với nỗ lực giảm thiểu chất thải và tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp về môi trường.

Với những hành động thiết thực này, Công ty khẳng định cam kết phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, góp phần tạo dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp cho thế hệ tương lai.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động



Năm 2023 chứng kiến sự đầu tư mạnh mẽ của Công ty vào phát triển nguồn nhân lực. Các hoạt động chăm sóc và gắn kết với người lao động được triển khai thường xuyên bởi đội ngũ lãnh đạo các cấp, tạo cầu nối hiệu quả để Ban Điều hành nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân viên. Nhờ đó, Công ty có thể hoàn thiện các chính sách phúc lợi, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân viên, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và tầm nhìn chiến lược. Một điểm sáng trong nỗ lực này là chính sách hỗ trợ di chuyển linh hoạt cho nhân viên giữa các địa phương, góp phần củng cố sự gắn kết và tinh thần cống hiến của đội ngũ nhân viên.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương



Công ty luôn nhận thức sâu sắc về trách nhiệm cộng đồng của mình, đặc biệt là đối với con em của các hộ nông dân thuộc hệ thống liên kết. Trung An nỗ lực tạo điều kiện để những đối tượng này có thể tiếp cận và tăng cường kiến thức cũng như các kỹ thuật liên quan đến canh tác và quản lý đất đai. Những nỗ lực này không chỉ nhằm mục đích nâng cao năng lực cho thế hệ trẻ mà còn góp phần duy trì sự gắn kết của họ với nông nghiệp và khu vực nông thôn trong tương lai.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như tặng gạo cứu trợ các địa phương chịu thiệt hại do thiên tai, hỗ trợ công tác xóa, giảm đói nghèo. Những hành động thiết thực này thể hiện tinh thần trách nhiệm và sự sẻ chia của Công ty đối với cộng đồng, hướng đến một xã hội phát triển bền vững và nhân văn.

CHƯƠNG 04

Đánh giá của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Đánh giá về hoạt động của Công ty

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp xuất khẩu gạo uy tín hàng đầu, Công ty luôn nỗ lực phát triển song song hai mảng: kinh tế và xã hội.

- » Bước vào giai đoạn phục hồi kinh tế, Công ty ưu tiên đồng hành cùng người lao động, đảm bảo thu nhập ổn định và chất lượng cuộc sống.
- » Đồng thời, Công ty hỗ trợ nhà nông trong việc chọn giống, áp dụng kỹ thuật nuôi trồng tiên tiến, đảm bảo chất lượng sản phẩm từ khâu đầu vào đến xuất khẩu.

Nhờ đó, hoạt động sản xuất được duy trì ổn định, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hướng đến mục tiêu chung, Công ty luôn quan tâm đến trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Chúng tôi chú trọng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên về cả vật chất và tinh thần, tạo môi trường làm việc năng động, trẻ trung và giàu cơ hội phát triển. Hội đồng quản trị ghi nhận tinh thần tương thân tương ái trong nội bộ, thể hiện qua sự hỗ trợ kịp thời đối với những hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC



Trong bối cảnh khủng hoảng nguồn cung lương thực, thực phẩm thế giới do lệnh cấm xuất khẩu từ Ấn Độ, cộng với sự bất ổn từ vấn đề địa chính trị quốc tế đe dọa lên an ninh lương thực của nhiều quốc gia, giá gạo quốc tế tăng chóng mặt. Mặt khác, vụ mùa bội thu đã giúp người nông dân hưởng lợi tối đa từ giá gạo quốc tế, nhưng cũng gây nên áp lực chi phí đầu vào cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực chèo lái của Ban Tổng Giám đốc khi đã tự chủ được nguồn cung gạo từ dự án cánh đồng mẫu, hạn chế tác động tiêu cực từ chi phí đầu vào tăng cao, từ đó mở rộng biên lợi nhuận cho Công ty. Tổng kết năm 2023, doanh thu của Trung An đạt 4.484.746 triệu đồng, tương đương với mức tăng trưởng 18,08% so với năm trước và hoàn thành 118,02% so với kế hoạch 2023.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Năm 2024, Hội đồng quản trị tập trung lãnh đạo và chỉ đạo các hoạt động của Công ty với những trọng tâm sau:

- » **Hoàn thành tốt vai trò và trách nhiệm của HĐQT:** Luôn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông; Tăng cường giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả và tuân thủ pháp luật.
- » **Định hướng phát triển và ổn định tài chính:** Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Công ty; Tích cực và khẩn trương thực hiện mục tiêu chuyển đổi vốn vay ngắn hạn sang dài hạn nhằm tạo sự ổn định về nguồn vốn cho hoạt động của công ty.
- » **Nâng cao năng lực và động lực nhân sự:** Đổi mới chính sách lương, thưởng, cơ chế phân cấp, phân quyền nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- » **Quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan:** Quan tâm, chia sẻ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tối đa của các cổ đông. Quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của cán bộ, công nhân viên Công ty, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện.

Với những quyết tâm và giải pháp cụ thể, HĐQT tin tưởng sẽ lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra trong năm 2024, góp phần gia tăng giá trị cho cổ đông và nâng cao đời sống của cán bộ, công nhân viên.



“ Năm 2024, giá gạo có thể tốt hơn khi Việt Nam tận dụng được cơ hội thị trường, nhu cầu tiêu thụ vẫn lớn. Bối cảnh thế giới đang thiếu gạo, chúng ta cũng bị biến đổi khí hậu nhưng ít hơn, có thể tăng sản xuất. Đây không chỉ là cơ hội trời cho, mà cả sức mạnh nội tại.

Ngoài ra, muốn phát triển bền vững, cần phải sắp xếp lại chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo; liên kết chặt doanh nghiệp và nông dân để đôi bên cùng có lợi. Theo đó, cần đẩy mạnh triển khai **“Đề án 1 triệu ha lúa gạo chất lượng cao, phát thải thấp”** mà Chính phủ đã ban hành.

CHƯƠNG 05

Quản trị công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phạm Thái Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	11.000.000	14,04%
2	Bà Lê Thị Tuyết	Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành	-	-
3	Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-
4	Bà Phạm Lê Khánh Hân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Bà Lư Lệ Trân	Thành viên HĐQT độc lập	726	0,00%

CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phạm Thái Bình

Chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Lê Bảo Trang

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Bà Phạm Lê Khánh Hân

Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình bày chi tiết tại mục
Thông tin **Ban Điều hành,
Phần 02**

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

Bà Lê Thị Tuyết

Phó Chủ tịch HĐQT
không điều hành

Ngày sinh 01/04/1956

Trình độ chuyên môn 12/12

Quá trình công tác:

1976 - 1996	Đại lý thu mua lúa gạo
1996 - 2015	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Trung An
12/2015 - 06/2023	Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Công nghệ Cao Trung An
06/2023 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Công nghệ Cao Trung An

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: Không có
- Đại diện: Không có

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác

Không có

Bà Lư Lệ Trân

Thành viên HĐQT độc lập

Ngày sinh 01/01/1960

Trình độ chuyên môn 12/12

Quá trình công tác:

1980 - 1996	Đại lý thu mua lúa gạo
1996 - 2006	Quản lý kho HTX Quận Thốt Nốt
2006 - 05/2016	Quản lý kho HTX Cờ Đỏ
05/2016 - nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP NN Công nghệ Cao Trung An

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 726 cổ phiếu chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Đại diện: Không có

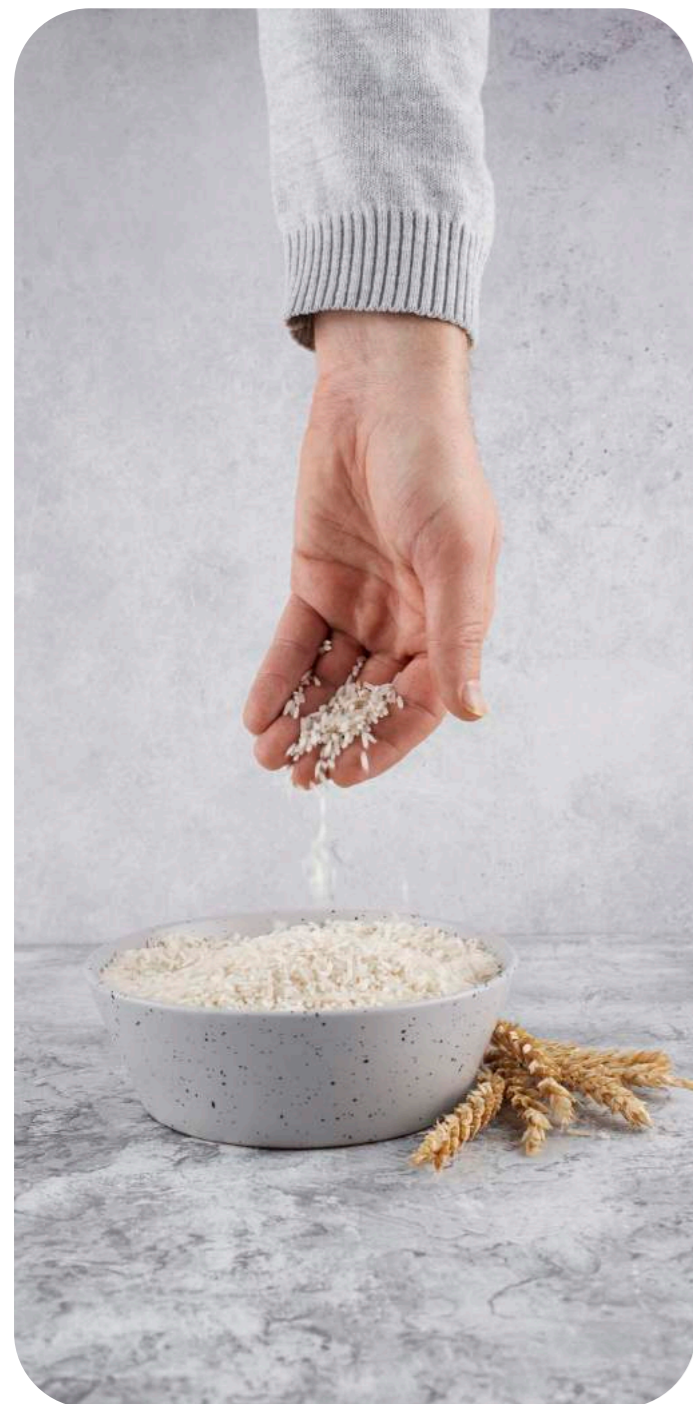
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác

Không có

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cụ thể:



- » Hàng quý tổ chức họp giao ban toàn Công ty với thành phần gồm: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng bộ phận, phòng ban để đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện; Đề ra kế hoạch chi tiết trong từng quý tiếp theo; Giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » Trong từng kỳ sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo trực tiếp tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023, nêu rõ thuận lợi và khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện kế hoạch để có những quyết định thay đổi, điều chỉnh hợp lý trong kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo, đồng thời bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đề ra.
- » Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoàn thành báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên,... đúng thời gian quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan ban ngành địa phương như: cơ quan Thuế, Thống kê, Ngân hàng...
- » Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan triển khai triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thành công tốt đẹp và đúng theo quy trình, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- » Đề ra phương hướng cho hoạt động của Công ty trong năm 2024 và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc lên kế hoạch chi tiết cụ thể.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 16 phiên họp. Tỷ lệ tham gia các phiên họp cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Phạm Thái Bình	16/16	100%	-
2	Bà Lê Thị Tuyết	16/16	100%	-
3	Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	16/16	100%	-
4	Bà Phạm Lê Khánh Hân	16/16	100%	-
5	Bà Lưu Lệ Trân	16/16	100%	-
6	Bà Phạm Lê Khánh Huyền	06/06	100%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	01/2023/TAR/NQ-HĐQT	01/02/2023	Thông qua chủ trương ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.
2	02/2023/TAR/NQ-HĐQT	30/03/2023	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
3	03/2023/TAR/NQ-HĐQT	08/05/2023	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
4	04/2023/TAR/NQ-HĐQT	31/05/2023	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long
5	05/2023/TAR/NQ-HĐQT	01/06/2023	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết (tt):

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
6	06/2023/TAR/NQ-HĐQT	08/06/2023	Thông qua dự thảo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
7	07/2023/TAR/NQ-HĐQT	29/06/2023	Bầu Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.
8	08/2023/TAR/NQ-HĐQT	10/07/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.
9	09/2023/TAR/NQ-HĐQT	09/08/2023	Thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty.
10	10/2023/TAR/NQ-HĐQT	17/08/2023	Thông qua đơn từ nhiệm và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
11	11/2023/TAR/NQ-HĐQT	18/08/2023	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi Điều lệ Công ty.
12	12/2023/TAR/NQ-HĐQT	06/09/2023	Vay vốn tại Ngân hàng Malayan Banking Berland - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh.
13	13/2023/TAR/NQ-HĐQT	12/09/2023	Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.
14	14/2023/TAR/NQ-HĐQT	16/10/2023	Thông qua chủ trương ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.
15	15/2023/TAR/NQ-HĐQT	14/11/2023	Thay đổi hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng (Đã đính chính thông tin tại Thông báo số 78/2023/CBTT/TAR ngày 05/12/2023).
16	16/2023/TAR/NQ-HĐQT	05/12/2023	Thông qua thay đổi đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2023 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Hội đồng quản trị Công ty hiện có bà Lữ Lệ Trân. Với năng lực chuyên môn uy tín cùng nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chính của Công ty, bà đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc xây dựng và thực thi các quyết sách mang tính chiến lược.

Năm 2023, HĐQT đã thể hiện sự tham gia tích cực trong mọi quyết định và vấn đề thuộc thẩm quyền. Đặc biệt, thành viên độc lập luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc giám sát và đánh giá các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan. Nhờ sự góp sức của bà, HĐQT đã đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát hiệu quả xung đột lợi ích, từ đó bảo vệ tối đa lợi ích của Công ty và cổ đông.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty và các cán bộ quản lý chưa tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty được UBCKNN công nhận. Tuy nhiên, các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty và các cán bộ quản lý thường xuyên cập nhật những văn bản, quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị công ty đồng thời tích cực tham gia các buổi tập huấn, thảo luận và cập nhật kiến thức về quản trị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức như:

- » Chương trình tập huấn "**Huy động vốn trên thị trường chứng khoán**" và "**Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán đối với công ty đại chúng**";
- » Hội nghị lưu ý về các sai phạm liên quan đến tính tuân thủ pháp luật chứng khoán phát hiện qua quá trình kiểm tra, giám sát; Các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết;
- » Chương trình hội thảo về xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài Chính.



BAN KIỂM SOÁT

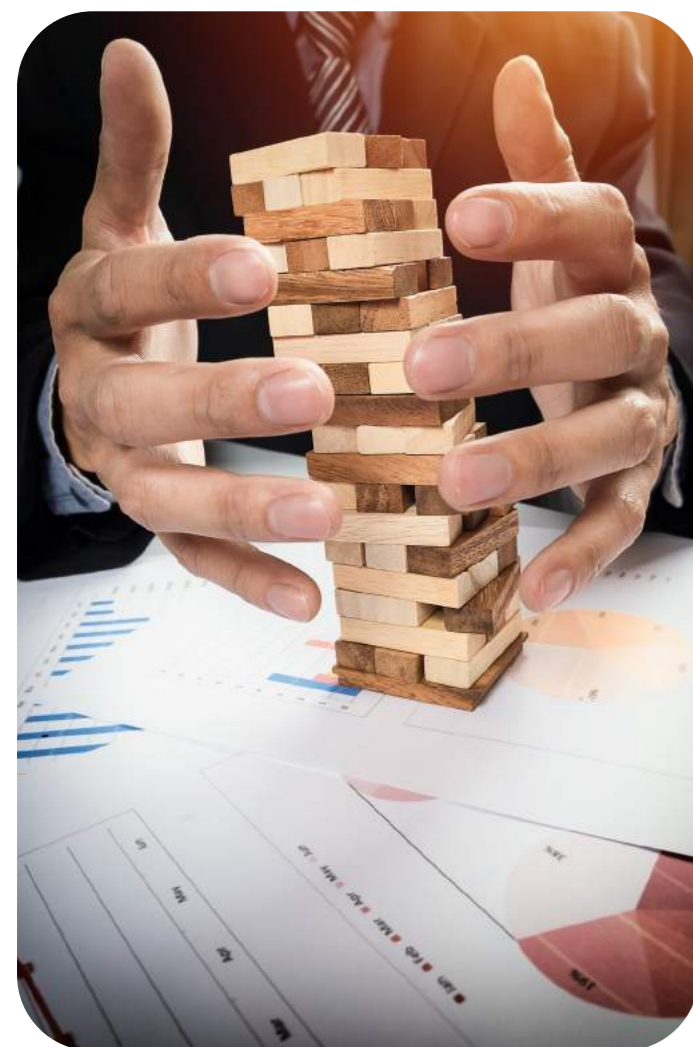
DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Tính đến ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	Trưởng BKS	-	-
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên BKS	-	-
3	Bà Cao Quế Hương	Thành viên BKS	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2023 ghi nhận sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Với những hoạt động hiệu quả, BKS đã góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, điều lệ và mang lại lợi ích cho cổ đông.



- » Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết cho BKS thực hiện nhiệm vụ.
- » BKS không nhận được văn bản nào từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra hoạt động của Công ty trong năm qua.
- » BKS đã thực hiện rà soát các văn bản quản lý nội bộ, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật mới và tình hình phát triển của Công ty. BKS cũng tiến hành thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của TGD, và báo cáo tài chính hàng quý, đảm bảo tính trung thực và chính xác.
- » BKS thực hiện kiểm tra các nghị quyết, quyết định của HĐQT, đảm bảo tính hợp pháp và phù hợp thẩm quyền. BKS tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện vai trò kiểm soát toàn diện (trước, trong và sau hoạt động) nhằm nhận diện và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn.
- » BKS cũng tập trung kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Ban Kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp trong năm 2023, cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Đinh Xuân Hùng	01/01	100%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
2	Ông Phạm Tam Tiến	01/01	100%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
3	Bà Võ Ngọc Mai	01/01	100%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
4	Bà Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	02/02	100%	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
5	Ông Nguyễn Văn Đức	02/02	100%	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
6	Bà Cao Quế Hương	02/02	100%	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023

Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	30/03/2023	Thảo luận và đánh giá Báo cáo tài chính Quý I/2023; Xem xét đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh Quý I/2023 so với cùng kỳ.
2	29/06/2023	Thảo luận và thống nhất bầu Bà Huỳnh Nguyễn Thúy Vy làm Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Trung An nhiệm kỳ 2023 - 2028 với tỷ lệ thống nhất 03/03.
3	20/12/2023	Đánh giá hiệu quả công việc, cũng như Báo cáo chi tiết các đầu mục giám sát của từng thành viên trong Ban Kiểm soát trong năm 2023 để có hướng điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp trong năm tài chính tiếp theo. Kiểm tra tính tuân thủ các Quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty đối với từng Phòng/ Ban Công ty trong năm 2023. Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 so với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
1	Ông Phạm Thái Bình	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-
2	Bà Lê Thị Tuyết	Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành	-
3	Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	183.297.312
4	Bà Phạm Lê Khánh Hân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	195.297.312
5	Bà Lư Lệ Trân	Thành viên HĐQT độc lập	-
6	Bà Huỳnh Nguyễn Thúy Vy	Trưởng BKS	41.284.000
7	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên BKS	80.000.000
8	Bà Cao Quế Hương	Thành viên BKS	-
9	Ông Đinh Xuân Hùng	Nguyên Trưởng BKS (06/2023)	-
10	Ông Phạm Tam Tiến	Nguyên Thành viên BKS (06/2023)	138.820.608
11	Bà Võ Ngọc Mai	Nguyên Thành viên BKS (06/2023)	-
12	Bà Phạm Lê Khánh Huyền	Nguyên Thành viên HĐQT độc lập (06/2023); Kế toán trưởng	132.000.000
Tổng cộng			770.699.232

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2023, người nội bộ và người có liên quan tới người nội bộ của Công ty không tiến hành bất kỳ giao dịch cổ phiếu nào liên quan đến Công ty.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



HĐQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Công ty nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của công ty một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

Công ty đã thực hiện theo quy định về quản trị Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Cụ thể tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, đồng thời ban hành các quy chế như Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế HĐQT, Quy chế BKS.

Thực hiện ký kết hợp đồng với Công ty kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện báo cáo tài chính bán niên soát xét và năm 2023;

Tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung và tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2020/TT-BTC;

Cập nhật thông tin thường xuyên trên website: Hoạt động công bố thông tin, tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ và các hoạt động khác được Công ty cập nhật thường xuyên trên Website cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận;

Tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tham gia do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các đơn vị uy tín tổ chức. Bên cạnh đó, với cam kết thực hiện quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, Công ty sẽ thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, đồng thời chủ động chia sẻ các thông tin liên quan đến quản trị doanh nghiệp và mô hình tổ chức bộ máy với các cổ đông lớn là tổ chức để tận dụng kinh nghiệm trong việc phát triển mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế;

Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, tuân thủ và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TT)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HDQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang	Công ty con	Số 1702050412 cấp lần đầu ngày 07/06/2016, thay đổi lần thứ 06, nơi cấp Sở KH-DT Tỉnh Kiên Giang	Tổ 9, Ấp Đường Théc, Xã Bình Giang, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang	Năm 2023	Nghị quyết HDQT số 01/2023/TAR/NQ-HĐQT ngày 01/02/2023	Dịch vụ Xay gia công: 2.260.766.760 đồng Dịch vụ Tách màu, lau bóng gia công: 5.000.100.000 đồng Xuất bán lúa gạo: 96.715.162.800 đồng Nhận cổ tức: 101.710.000.000 đồng
						Hợp đồng số 2612/TA- AT/2022 Hợp đồng số 2612/TA- AT/2022: Phụ lục số 01	Xuất bán lúa gạo: 27.000.000.000 đồng ^(*) Hàng bán bị trả lại: 27.000.000.000 đồng
2	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại An Thơ	Bà Nguyễn Lê Bảo Trang (TV HDQT kiêm TGD của TAR) là người ĐDPL của An Thơ tính đến ngày 07/06/2023	Số 1801721284 cấp ngày 28/3/2022, nơi cấp Sở KH-ĐT, TP.Cần Thơ	Đường Nguyễn Trọng Quyền, KV Phụng Thạnh 2, P.Trung Kiên, Q.Thốt Nốt, TP.Cần Thơ	Năm 2023	Hợp đồng số: 0806/2023/TA-AT/HĐNT; 1206/TA-AT/2023; 1006/TA-AT/2023; 1806/TA-AT/2023; 2007/TA-A172023;	Xuất bán lúa gạo: 63.426.424.000 đồng
						Hợp đồng số 0101/2023/AT-TA/HĐNT	Mua hàng: 16.744.732 đồng
						Hợp đồng số 0101/2023/AT-TA/HĐNT; phụ lục số 01	Mua hàng: 540.220.928 đồng

(*) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 844/QĐ-XPHC ngày 29/09/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính với lý do các giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại An Thơ được thực hiện khi chưa được Hội đồng quản trị Công ty thông qua. Theo đó, căn cứ trên quyết định xử phạt, cá nhân vi phạm đã thực hiện đóng phạt đầy đủ và cam kết sẽ tuân thủ thực hiện đúng quy trình, thủ tục, quy định của pháp luật đối với giao dịch của người có liên quan.

CHƯƠNG 06

**Báo cáo tài chính
kiểm toán
năm 2023**



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (tiền thân là Công ty TNHH Trung An) được thành lập theo Giấy phép đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn số 007051 ngày 16/08/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 1800241736 cấp lần đầu ngày 16/08/1996 và thay đổi lần thứ 25 vào ngày 23/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 783.197.770.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 : 783.197.770.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Bán buôn thực phẩm : Chi tiết : Kinh doanh lương thực, thực phẩm, thủy sản;
- Bán buôn gạo. Chi tiết : Kinh doanh sản xuất gạo;
- Trồng lúa. Chi tiết : Trồng lúa theo mùa vụ

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang	Tổ 9 ấp Đường Théc, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	90,80%	90,80%	90,80%	90,80%
Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Gạo Trung An	Đường Nguyễn Trọng Quyền, KV Phụng Thạnh 2, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Bất động sản Trung An	Khu vực 7, P. Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết:					
Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng	648A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Kinh doanh Xuất khẩu Gạo Việt Đức	647A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	39,00%	39,00%	39,00%	39,00%

Cơ sở đồng kiểm soát: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An	532/21 Lê Văn Thọ, P. 16, Q. Gò Vấp, TP.HCM
Nhà máy chế biến xuất khẩu số 4	KV Trảng Thọ, P. Trung Nhứt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy xay lúa và chế biến xuất khẩu số 3	KV Thạnh Phước, P. Thạnh Hòa, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN Báo cáo tài chính hợp nhất
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Cần Thơ

Nhà máy chế biến xuất khẩu số 5 KV Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy chế biến gạo số 6 Đường 921, Ấp Phước Lộc, Xã Thạnh Phú, H. Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ

II. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Bà	LÊ THỊ TUYẾT	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023 Miễn nhiệm ngày 17/08/2023
Ông	PHẠM THÁI BÌNH	Chủ tịch Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17/08/2023 Bổ nhiệm ngày 29/06/2023 Miễn nhiệm ngày 17/08/2023
Bà	PHẠM LÊ KHÁNH HÂN	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Bà	NGUYỄN LÊ BẢO TRANG	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Bà	LƯ LỆ TRẦN	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Bà	PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023

Ban Kiểm soát

Ông	ĐINH XUÂN HÙNG	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
Ông	PHẠM TAM TIẾN	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
Bà	VÕ NGỌC MAI	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
Bà	HUYỀN NGUYỄN THUY VY	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Ông	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Bà	CAO QUẾ HƯƠNG	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023

Ban Tổng Giám đốc

Bà	NGUYỄN LÊ BẢO TRANG	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/08/2023
Ông	PHẠM THÁI BÌNH	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/08/2023
		Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/08/2023
Bà	PHẠM LÊ KHÁNH HÂN	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/05/2021

Kế toán trưởng

Bà PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN

Đại diện pháp luật

Bà NGUYỄN LÊ BẢO TRANG

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

IV. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

V. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN Báo cáo tài chính hợp nhất
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Cần Thơ

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VI. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Duyệt, ngày 27 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG
Tổng Giám đốc

Số: 381...../BCKT-TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An, được lập ngày 27/03/2024, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Hiện tại, Công ty đang chờ kết quả xác minh của cơ quan chức năng về các vấn đề được nêu trong Kết luận thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 13/09/2023 bao gồm: Chủ sở hữu của 15 triệu cổ phiếu TAR trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty; Việc lập hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ năm 2021; Thông tin liên quan đến số liệu hàng tồn kho công bố trên Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán với giá trị 1.255.542.463.892 đồng. Chúng tôi không thể đánh giá và định lượng mức độ ảnh hưởng của các vấn đề này đến các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, các vấn đề nêu trên vẫn chưa được xử lý và tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty.

- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (Công ty mẹ) không tiến hành kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 và cũng không thể hỗ trợ việc kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm kiểm toán. Với những hồ sơ hiện lưu giữ tại Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán truy hồi số liệu hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất với số tiền 965.372.768.579 đồng.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang (công ty con) có tiến hành kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023, tuy nhiên tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty và Công ty cũng không thể hỗ trợ việc kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm kiểm toán. Với những hồ sơ hiện lưu giữ tại Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán truy hồi số liệu hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 được trình bày trên Báo cáo tài chính công ty con và Báo cáo tài chính hợp nhất với số tiền 112.663.953.950 đồng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An tại ngày 31/12/2023 đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác ký ngày 30/03/2023, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc


Lê Đình Ái
Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 3770-2023-142-1

Kiểm toán viên



Võ Thị Mỹ Hương
Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0858-2023-142-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP.
Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.193.899.591.582	2.077.607.643.401
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.041.090.110	14.151.236.028
Tiền	111		14.041.090.110	14.151.236.028
Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
Chứng khoán kinh doanh	121			
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.076.085.255.889	620.168.042.624
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	484.023.414.814	508.432.976.477
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	568.699.569.683	77.045.633.868
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	23.362.271.392	34.689.432.279
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.078.036.722.529	1.420.684.387.369
Hàng tồn kho	141		1.078.036.722.529	1.420.684.387.369
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.736.523.054	22.603.977.380
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	847.699.763	1.937.124.135
Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.888.823.291	20.666.853.245
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
Tài sản ngắn hạn khác	155			

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP.
Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		800.082.954.497	715.525.006.215
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
Trả trước cho người bán dài hạn	212			
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
Phải thu nội bộ dài hạn	214			
Phải thu về cho vay dài hạn	215			
Phải thu dài hạn khác	216			
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		625.207.666.504	621.515.804.971
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	518.992.488.150	512.903.809.701
- Nguyên giá	222		756.230.137.332	709.310.555.971
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.237.649.182)	(196.406.746.270)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	20.870.871.592	21.819.547.576
- Nguyên giá	225		23.716.899.544	23.716.899.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.846.027.952)	(1.897.351.968)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	85.344.306.762	86.792.447.694
- Nguyên giá	228		94.512.198.206	94.512.198.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.167.891.444)	(7.719.750.512)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.510.268.913	16.819.771.317
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	7.510.268.913	16.819.771.317
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	164.278.764.269	73.773.412.667
Đầu tư vào công ty con	251			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.778.764.269	14.773.412.667
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		149.500.000.000	59.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.086.254.811	3.416.017.260
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.890.812.327	916.455.700
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
Tài sản dài hạn khác	268			
Lợi thế thương mại	269		1.195.442.484	2.499.561.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.993.982.546.079	2.793.132.649.616

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.815.569.459.923	1.588.867.550.954
I. Nợ ngắn hạn	310		1.806.156.080.707	1.574.767.299.015
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	170.695.559.403	48.905.236.234
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	6.104.619.585	73.229.988.201
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.998.019.070	6.509.161.439
Phải trả người lao động	314			
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.373.508.651	4.802.546.990
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	79.233.417.998	66.258.188.801
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.542.750.956.000	1.375.062.177.350
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
Quỹ bình ổn giá	323			
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		9.413.379.216	14.100.251.939
Phải trả người bán dài hạn	331			
Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
Chi phí phải trả dài hạn	333			
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
Phải trả nội bộ dài hạn	335			
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
Phải trả dài hạn khác	337			
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	8.348.348.638	13.296.015.438
Trái phiếu chuyển đổi	339			
Cổ phiếu ưu đãi	340			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.065.030.578	804.236.501
Dự phòng phải trả dài hạn	342			
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
549A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.178.413.086.156	1.204.265.098.662
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.178.413.086.156	1.204.265.098.662
Vốn góp của chủ sở hữu	411		783.197.770.000	783.197.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		783.197.770.000	783.197.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
Thặng dư vốn cổ phần	412		200.000.000.000	200.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
Vốn khác của chủ sở hữu	414			
Cổ phiếu quỹ	415			
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
Quỹ đầu tư phát triển	418			
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		166.844.837.368	182.640.466.557
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		182.640.466.557	114.438.982.558
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15.795.629.189)	68.201.483.999
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.370.478.788	38.426.862.105
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.993.982.546.079	2.793.132.649.616

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


TRẦN PHAN NGUYỆT ANH


PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN


NGUYỄN LÊ BẢO TRANG



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN Báo cáo tài chính hợp nhất
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.511.745.622.646	3.798.072.932.633
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	27.000.000.000	52.987.691
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.484.745.622.646	3.798.019.944.942
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.274.065.197.073	3.519.464.854.803
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		210.680.425.573	278.555.090.139
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.668.375.734	12.761.722.439
Chi phí tài chính	22	VI.5	127.969.611.940	92.680.559.095
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		121.621.540.731	89.077.498.698
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.143.144	2.333.554
Chi phí bán hàng	25	VI.8	86.199.662.078	98.272.431.483
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	22.622.968.461	20.537.129.788
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(11.438.298.028)	79.829.025.766
Thu nhập khác	31	VI.6	11.422.175.697	8.951.256.106
Chi phí khác	32	VI.7	10.245.123.458	3.059.470.389
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.177.052.239	5.891.785.717
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(10.261.245.789)	85.720.811.483
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	5.039.942.902	10.240.671.046
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		260.823.815	260.853.553
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(15.562.012.506)	75.219.286.884
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(15.795.629.189)	68.201.483.999
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		233.616.683	7.017.802.885
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(202)	966
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			878

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

TRẦN PHAN NGUYỆT ANH

PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(10.261.245.789)	85.720.811.483
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		42.481.254.943	38.769.904.339
- Các khoản dự phòng	03		(5.351.602)	
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(233.179.635)	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.494.669.876)	(8.657.167.683)
- Chi phí lãi vay	06		121.621.540.731	89.077.498.698
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		140.108.348.772	204.911.046.837
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(454.613.094.189)	(331.612.804.803)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		342.647.664.840	(405.559.095.379)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		74.203.176.740	94.547.221.041
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		115.067.745	(1.422.875.790)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(123.056.119.320)	(85.536.440.274)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(7.550.306.480)	(15.190.603.174)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.221.970.046)	(324.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(32.367.231.938)	(540.187.551.542)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.220.078.957)	(108.539.744.873)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		890.000.000	86.977.163
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(90.500.000.000)	(507.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			450.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.368.882.362	7.143.153.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(120.461.196.595)	(158.809.614.143)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			450.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
Tiền thu từ đi vay	33		3.648.986.420.200	3.433.754.213.853
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.482.037.134.030)	(3.249.783.573.648)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.174.174.320)	(4.817.505.680)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.290.000.000)	(5.145.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		152.485.111.850	624.008.134.525



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận
Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(343.316.683)	(74.989.031.160)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.151.236.028	89.140.267.188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		233.170.765	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	14.041.090.110	14.151.236.028

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc

TRẦN PHAN NGUYỆT ANH

PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

Báo cáo tài chính hợp nhất

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (tiền thân là Công ty TNHH Trung An) được thành lập theo Giấy phép đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn số 007051 ngày 16/08/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 1800241736 cấp lần đầu ngày 16/08/1996 và thay đổi lần thứ 25 vào ngày 23/08/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 783.197.770.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 : 783.197.770.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2023 : 57 nhân viên chính thức và 71 nhân viên thời vụ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Bán buôn thực phẩm : Chi tiết : Kinh doanh lương thực, thực phẩm, thủy sản;
- Bán buôn gạo. Chi tiết : Kinh doanh sản xuất gạo;
- Trồng lúa. Chi tiết : Trồng lúa theo mùa vụ

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An Kiên Giang	Tổ 9 ấp Đường Théc, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	90,80%	90,80%	90,80%	90,80%
Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Gạo Trung An	Đường Nguyễn Trọng Quyền, KV Phụng Thạnh 2, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Bất động sản Trung An	Khu vực 7, P. Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết:					
Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng	648A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Kinh doanh Xuất khẩu Gạo Việt Đức	647A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	39,00%	39,00%	39,00%	39,00%

Cơ sở đồng kiểm soát: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thơ

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An	532/21 Lê Văn Thọ, P. 16, Q. Gò Vấp, TP.HCM
Nhà máy chế biến xuất khẩu số 4	KV Trảng Thò, P. Trung Nhứt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy xay lúa và chế biến xuất khẩu số 3	KV Thạnh Phước, P. Thạnh Hòa, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy chế biến xuất khẩu số 5	KV Qui Thạnh 1, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy chế biến gạo số 6	Đường 921, Ấp Phước Lộc, Xã Thạnh Phú, H. Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thơ

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

b. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN Báo cáo tài chính hợp nhất
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thơ

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12	năm
- Tài sản vô hình	05 - 45	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC, kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN Báo cáo tài chính hợp nhất
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thơ

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

49A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất**c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thơ

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu : áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả : áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

23. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
 - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN**Báo cáo tài chính hợp nhất**

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thơ

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	5.266.373.998	986.958.887
- Tiền gửi ngân hàng	8.774.716.112	13.164.277.141
+ Tiền gửi (VND)	6.151.952.356	8.470.309.032
+ Tiền gửi (USD)	1.315.808.336	3.495.171.631
+ Tiền gửi (EUR)	1.306.955.420	1.198.796.478
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	14.041.090.110	14.151.236.028

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

2.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực phẩm An Điền	224.980.000.000	122.640.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Ngọc An Nam	171.133.000.000	34.712.240.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Golden Rice		122.560.000.000
Công ty TNHH MTV TM CB NS Huỳnh Loan	246.950.781	117.420.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp Hữu cơ Việt Hà	8.475.000.000	5.251.356.000
AT (Korea Agro - Fisher and Food Trade Corporation)	24.617.730.331	11.238.784.459
Mivi Food	3.199.954.672	3.152.447.030
Các đối tượng khác	51.098.411.180	40.458.361.488
2.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	272.367.850	50.999.787.500
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Thơ	272.367.850	50.999.787.500
Cộng	484.023.414.814	508.432.976.477

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	568.699.569.683	77.045.633.868
Công ty Cổ phần Thực phẩm Golden Rice	247.885.759.007	17.352.207.537
Công ty TNHH MTV TM CB NS Huỳnh Loan	298.509.100.000	13.131.157.935
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Phú Quý	2.048.888.520	1.275.195.960
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Vacom	87.900.000	
Công ty TNHH ĐT SX Thương Mại Anh Châu		16.014.720.000
Công ty TNHH MTV Lê Hữu Phước		6.939.125.000
Các đối tượng khác	20.167.922.156	22.333.227.436
Cộng	568.699.569.683	77.045.633.868

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

4.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn				
b. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	148.000.000.000	148.000.000.000	57.500.000.000	57.500.000.000
- Trái phiếu	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các khoản đầu tư khác				
Cộng	149.500.000.000	149.500.000.000	59.000.000.000	59.000.000.000
4.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng	14.217.679.000	14.778.764.269	14.217.679.000	14.773.412.667
Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Kinh doanh	9.352.000.000	10.077.318.740	9.352.000.000	10.071.837.683
Xuất khẩu Gạo Việt Đức	4.865.679.000	4.701.445.529	4.865.679.000	4.701.574.984
Cộng	14.217.679.000	14.778.764.269	14.217.679.000	14.773.412.667

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Trung An - "cánh chim đầu đàn" và sứ mệnh phát triển nông nghiệp bền vững

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên,
Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng				
- Ký cược, ký quỹ (*)	7.258.341.102		18.400.934.717	
- Phải thu ngắn hạn khác (**)	16.103.930.290		16.288.497.562	
Cộng	23.362.271.392		34.689.432.279	
Ghi chú :				
		Số cuối năm		Số đầu năm
(*) Ký cược ký quỹ tại ngày 31/12/2023 bao gồm :				
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease		2.608.858.950		2.608.858.950
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh ĐB SCL				15.590.435.474
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ		1.643.578		1.640.293
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ		4.647.838.574		200.000.000
Cộng		7.258.341.102		18.400.934.717
(**) Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2023 bao gồm :				
Hoa đơn VAT của dịch vụ cho thuê tài chính - Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Chaillease		941.560.921		1.321.031.317
Điều chỉnh VAT theo Quyết toán thuế năm 2018 - 2021				3.827.557.921
Dự thu lãi - Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - Chi nhánh HCM		5.078.219.178		1.478.561.644
Dự thu lãi - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ		162.246.576		69.263.014
Dự thu lãi - Ngân hàng Malayan Banking Berhad - CN TP. HCM		578.835.615		
Hợp tác xã Nông nghiệp An Phú		841.568.000		9.551.094.827
K-RICE Co., Ltd.		8.501.500.000		
Các khoản phải thu khác				40.988.839
Cộng		16.103.930.290		16.288.497.562

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	953.073.377.176		1.297.310.613.851	
- Công cụ, dụng cụ	95.169.789.032		5.315.952.278	
- Chi phí SXKD dở dang	8.343.281.407		11.499.253.312	
- Thành phẩm	21.450.274.914		80.905.675.481	
- Hàng hóa			17.261.142.845	
- Hàng hóa gửi bán			8.391.749.602	
Cộng	1.078.036.722.529		1.420.684.387.369	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên,
Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	459.564.435	
Xây dựng cơ bản dở dang	7.050.704.478	16.819.771.317
Dự án Xây dựng cánh đồng mẫu Kiên Giang	7.037.023.473	16.566.499.075
Nhà ở Ban Giám đốc		253.272.242
Nhà ở nhân viên	13.681.005	
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Cộng	7.510.268.913	16.819.771.317

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	515.300.442.447	183.408.522.783	10.601.590.741			709.310.555.971
Số tăng trong năm	13.875.895.924	18.461.049.987	15.972.635.450			48.309.581.361
- Mua trong năm		18.461.049.987	15.972.635.450			34.433.685.437
- Đầu tư XDCB hoàn thành	13.875.895.924					13.875.895.924
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		1.390.000.000				1.390.000.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		1.390.000.000				1.390.000.000
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	529.176.338.371	200.479.572.770	26.574.226.191			756.230.137.332
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	72.432.625.626	120.105.562.451	3.868.558.193			196.406.746.270
Số tăng trong năm	23.113.326.167	15.601.240.519	2.862.801.111			41.577.367.797
- Khấu hao trong năm	23.113.326.167	15.601.240.519	2.862.801.111			41.577.367.797
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		746.464.885				746.464.885
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		746.464.885				746.464.885
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	95.545.951.793	134.960.338.085	6.731.359.304			237.237.649.182
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	442.867.816.821	63.302.960.332	6.733.032.548			512.903.809.701
Tại ngày cuối năm	433.630.386.578	65.519.234.685	19.842.866.887			518.992.488.150

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay VND 91.344.806.675 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng VND 72.363.520.152 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý VND

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và Giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	94.512.198.206					94.512.198.206
Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	94.512.198.206					94.512.198.206
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.719.750.512					7.719.750.512
Số tăng trong năm	1.448.140.932					1.448.140.932
- Khấu hao trong năm	1.448.140.932					1.448.140.932
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	9.167.891.444					9.167.891.444
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	86.792.447.694					86.792.447.694
Tại ngày cuối năm	85.344.306.762					85.344.306.762

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: VND 85.344.306.762 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ thuê tài chính khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm		23.716.899.544				23.716.899.544
Số tăng trong năm						
- Thuế tài chính trong năm						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		23.716.899.544				23.716.899.544
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		1.897.351.968				1.897.351.968
Số tăng trong năm		948.675.984				948.675.984
- Khấu hao trong năm		948.675.984				948.675.984
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm		2.846.027.952				2.846.027.952
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm		21.819.547.576				21.819.547.576
Tại ngày cuối năm		20.870.871.592				20.870.871.592

Ghi chú:

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được quyền mua tài sản

: 4.174.174.320 đồng

: không

: không

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**11.1 Ngân hạn**

Ngân hàng	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	8.000.000.000	8.000.000.000	228.690.549.500	418.390.549.500	197.700.000.000	197.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN ĐBSCL	542.626.608.000	542.626.608.000	1.081.409.848.300	944.730.627.350	405.947.387.050	405.947.387.050
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN ĐBSCL - USD			148.603.060.000	148.603.060.000		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Cần Thơ	293.444.000.000	293.444.000.000	686.164.000.000	667.720.000.000	275.000.000.000	275.000.000.000
Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP HCM	403.007.813.000	403.007.813.000	836.709.394.800	813.605.981.800	379.904.400.000	379.904.400.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	114.998.535.000	114.998.535.000	229.904.268.600	118.405.733.600	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN Hồ Chí Minh - USD						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Cần Thơ - USD			256.831.299.000	256.831.299.000		
Ngân hàng Malayan Banking Behard - Chi nhánh TP. HCM	180.674.000.000	180.674.000.000	180.674.000.000		109.708.920.000	109.708.920.000
b. Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ				2.292.000.000	2.292.000.000	2.292.000.000
NH TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN ĐBSCL				1.009.470.300	1.009.470.300	1.009.470.300
Cộng	1.542.750.956.000	1.542.750.956.000	3.648.986.420.200	3.481.297.641.550	1.375.062.177.350	1.375.062.177.350

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng số 42/2023- HĐCVHM/NHCT820-CITY CP NN CNC TRUNG AN ngày 10/05/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 42/2023-HĐCVHM- SBBS01/NHCT820-CITY CP NN CNC TRUNG AN.	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	10/05/2023 - 30/04/2024	9,2% / năm	8.000.000.000	MMTB của công ty; QSDĐ của bên thứ 3; QSDĐ của công ty
Hợp đồng số 001/2023/7613578/HĐTD ngày 04/08/2023.	Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN ĐBSCL	Đến 30/04/2024	Theo từng giấy nhận nợ	542.626.608.000	MMTB của công ty; QSDĐ của bên thứ 3
Hợp đồng số 202025001983 ngày 21/03/2023.	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Cần Thơ	12 tháng	9,5% / năm	293.444.000.000	QSDĐ của bên thứ 3
HĐ tín dụng có hạn mức số TRLS- H30220222 ngày 02/12/2022 và Hợp đồng tín dụng có hạn mức sửa đổi số TRLS-H30220222-C1 ngày 14/02/2023	Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP HCM	12 tháng	Chi phí sử dụng vốn cộng (+) 0,95% trở lên (đối với vay USD) hoặc 1,2% trở lên (đối với vay VND)	403.007.813.000	QSDĐ của công ty
Hợp đồng số HCM/2022/007/STL/FA ngày 20/06/2022 và hợp đồng bổ sung hợp đồng tín dụng số HCM/2022/007/STL/FA/PL01 ngày 20/03/2023	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	114.998.535.000	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty
Hợp đồng tín dụng số : MBB/HCMC/LO/2023/TRUNGAN/64 ngày 28/08/2023	Ngân hàng Malayan Banking Behard - Chi nhánh TP. HCM	180 ngày	Theo biểu phí ngân hàng	180.674.000.000	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty
Cộng				1.542.750.956.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN

649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11.2. Dài hạn

Ngân hàng	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ				773.492.480	773.492.480	773.492.480
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	8.348.348.638	8.348.348.638		4.174.174.320	12.522.522.958	12.522.522.958
Cộng	8.348.348.638	8.348.348.638		4.947.666.800	13.296.015.438	13.296.015.438

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng số B2008340C2 ngày 25/11/2020 - Tu chính ngày 09/12 và 28/12/2020	Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	60 tháng	8,79% / năm	8.348.348.638	MMTB của bên thứ 3
Cộng				8.348.348.638	

11.3. Các khoản nợ thuế tài chính

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	5.221.007.962	1.046.833.642	6.119.934.610	1.302.428.930
Từ 1 năm đến dưới 5 năm (Hợp đồng số B2008340C2 - 2 Thiết bị điện năng lượng mặt trời) Trên 5 năm			4.174.174.320	4.817.505.680

11.4. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán : không có

11.5. Các khoản vay và thuế tài chính đối với các bên liên quan : không có

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận
Thốt Nốt, TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
12.1. Ngắn hạn				
- Chi phí sửa chữa	92.541.367			
- CCDC xuất dùng	586.165.099		1.937.124.135	
- Bảo hiểm tài sản	112.595.052			
- Chi phí khác	56.398.245			
Cộng	847.699.763		1.937.124.135	
12.2. Dài hạn				
- CCDC xuất dùng	1.658.245.580		916.455.700	
- Chi phí sửa chữa lớn	230.506.693			
- Chi phí khác	2.060.054			
Cộng	1.890.812.327		916.455.700	

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13.1 Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Phước Tạo	211.542.527	211.542.527		
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	505.520.879	505.520.879		
Công ty Cổ phần TM & SX Bao bì Lai Trường Sơn - Long An	246.895.488	246.895.488		
Công ty TNHH Bao bì Quốc tế Thuận Xương	193.426.680	193.426.680		
Ông Lê Minh Khởi			1.501.129.300	1.501.129.300
Bà Nguyễn Thị Mỹ Xuyên			2.007.953.900	2.007.953.900
Ông Nguyễn Quang Tuân			1.275.466.600	1.275.466.600
Ông Lê Sơn Việt			8.006.100.000	8.006.100.000
Ông Phạm Lê Vũ Linh			5.935.591.200	5.935.591.200
Ông Võ Văn Dũng			16.789.264.000	16.789.264.000
Ông Lê Văn Tèo	18.036.000.000	18.036.000.000	511.500.000	511.500.000
Bà Trần Thị Kim Yến	17.280.000.000	17.280.000.000		
Bà Hà Thị Cẩm Nang	17.712.000.000	17.712.000.000		
Ông Trương Anh Kiệt	22.043.880.000	22.043.880.000		
Công ty Cổ phần Thương mại Ngọc An Nam	40.302.000.000	40.302.000.000		
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm An Điền	49.087.180.000	49.087.180.000		
Các đối tượng khác	5.077.113.829	5.077.113.829	10.154.170.461	10.154.170.461
13.2. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Thơ			2.724.060.773	2.724.060.773
Cộng	170.695.559.403	170.695.559.403	48.905.236.234	48.905.236.234

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận
Thốt Nốt, TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV TM CB NS Huỳnh Loan	176.457.329	176.457.329	20.840.000.000	20.840.000.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vimex			3.036.233.587	3.036.233.587
PORTAL STEELS INC			862.902.556	862.902.556
SHARIFA KENAR SADGI GENERAL TRADING L.L.C			1.085.560.172	1.085.560.172
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Golden Rice	5.589.056.000	5.589.056.000	44.460.000.000	44.460.000.000
Các đối tượng khác	339.106.256	339.106.256	2.945.291.886	2.945.291.886
Cộng	6.104.619.585	6.104.619.585	73.229.988.201	73.229.988.201

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng		904.612		904.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.508.382.648	5.039.942.902	7.550.306.480	3.998.019.070
Thuế thu nhập cá nhân	778.791	29.915.901		30.694.692
Tiền thuế đất+Thuế sử dụng đất		4.062.300		4.062.300
Thuế môn bài		12.000.000		12.000.000
Cộng	6.509.161.439	5.086.825.715	7.597.968.084	3.998.019.070

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí lãi vay	3.224.295.850	4.658.874.439
- Chi phí trích trước khác	149.212.801	143.672.551
Cộng	3.373.508.651	4.802.546.990

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận
Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	227.275.190	158.188.801
- BHXH, BHYT, BHTN		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	79.006.142.808	66.100.000.000
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn		
Cộng	79.233.417.998	66.258.188.801
Ghi chú (*):		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Phước Nam (1)	7.900.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thắm (2)	50.100.000.000	45.100.000.000
Ông Phạm Hữu Sáu (3)	21.000.000.000	21.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	6.142.808	
Cộng	79.006.142.808	66.100.000.000



- (1) Phải trả ông Nguyễn Phước Nam theo các Biên bản thoả thuận sau :
- Biên bản thoả thuận mượn tài sản số 1001/2023/BBTT/TAKG-NPN ngày 10/01/2023, số tiền mượn 3 tỷ đồng, tín chấp, không tính lãi, thời hạn trả 31/12/2023
 - Biên bản thoả thuận mượn tài sản số 1705/2023/BBTT/TAKG-NPN ngày 17/05/2023, số tiền mượn 4,9 tỷ đồng, tín chấp, không tính lãi, thời hạn trả 31/12/2023
- (2) Phải trả bà Nguyễn Thị Thắm theo các Biên bản thoả thuận sau :
- Biên bản thoả thuận mượn tài sản số 2308/2022/BBTT/TAKG-NTT ngày 23/08/2022, số tiền mượn 29 tỷ đồng, tín chấp, không tính lãi, thời hạn trả 23/08/2023.
 - Biên bản thoả thuận mượn tài sản số 1910/2022/BBTT/TAKG-NTT ngày 19/10/2022, số tiền mượn 16,1 tỷ đồng, tín chấp, không tính lãi, thời hạn trả 19/10/2023.
 - Biên bản thoả thuận mượn tài sản số 0505/2023/BBTT/TAKG-NTT ngày 05/05/2023, số tiền mượn 5 tỷ đồng, tín chấp, không tính lãi, thời hạn trả 31/12/2023.
- (3) Phải trả ông Phạm Hữu Sáu theo Biên bản thoả thuận mượn tài sản số 1905/2022/BBTT/TAKG-PHS ngày 19/05/2022, và Biên bản thoả thuận cho mượn tài sản số 1505/2023/BBTT/TAKG-PHS ngày 15/05/2023, số tiền mượn 21 tỷ đồng, tín chấp, không tính lãi, thời hạn trả 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
 649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Số cuối năm	Số đầu năm
18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU		
18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		
Vốn góp của chủ sở hữu		
Số dư đầu năm trước	461.999.330.000	200.000.000.000
- Tăng vốn trong năm trước	250.000.000.000	200.000.000.000
- Lãi trong năm trước		
- Tăng khác		
- Phân phối lợi nhuận (chia cổ tức bằng cổ phiếu)	71.198.440.000	
- Lỗ trong năm trước		
- Giảm khác		
Số dư đầu năm nay	783.197.770.000	200.000.000.000
- Tăng vốn trong năm nay		
- Lãi trong năm nay	233.616.683	233.616.683
- Tăng khác		
- Phân phối lợi nhuận	(10.290.000.000)	(10.290.000.000)
- Lỗ trong năm nay	(15.795.629.189)	(15.795.629.189)
- Giảm khác		
Số dư cuối năm nay	783.197.770.000	200.000.000.000
Vốn dự trữ		
Số dư đầu năm trước	185.961.422.558	684.514.811.778
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	185.961.422.558	36.554.059.220
- Quỹ đầu tư phát triển	68.201.483.999	7.017.802.885
- Cổ phiếu quỹ		
- Thặng dư vốn cổ phần		
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(71.522.440.000)	(5.145.000.000)
Số dư đầu năm nay	182.640.466.557	1.204.265.098.662
- Tăng vốn trong năm nay		
- Lãi trong năm nay	233.616.683	233.616.683
- Tăng khác		
- Phân phối lợi nhuận	(10.290.000.000)	(10.290.000.000)
- Lỗ trong năm nay	(15.795.629.189)	(15.795.629.189)
- Giảm khác		
Số dư cuối năm nay	166.844.837.368	1.178.413.086.156

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV.Quị Thạnh 1, Phường Trung Kiên,
Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác (*)	100%	783.197.770.000	100%	783.197.770.000
Cộng		783.197.770.000		783.197.770.000

(* Ghi chú :
- Ông Phạm Thái Bình 14,04% 110.000.000.000 14,04% 110.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 85,96% 673.197.770.000 85,96% 673.197.770.000
Cộng 783.197.770.000 783.197.770.000

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	783.197.770.000	461.999.330.000
+ Vốn góp tăng trong năm		321.198.440.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	783.197.770.000	783.197.770.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chi	(10.290.000.000)	(5.145.000.000)

18.4. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.319.777	78.319.777
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.319.777	78.319.777
+ Cổ phiếu phổ thông	78.319.777	78.319.777
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.319.777	78.319.777
+ Cổ phiếu phổ thông	78.319.777	78.319.777
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

18.5. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	2.681,29	149.334,40
- EUR	49.046,53	47.946,32



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV.Quị Thạnh 1, Phường Trung Kiên,
Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu

- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa
- Doanh thu kinh doanh bất động sản
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	4.505.376.488.026	3.789.041.121.217
- Doanh thu kinh doanh bất động sản		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.369.134.620	9.031.811.416
Cộng	4.511.745.622.646	3.798.072.932.633

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	27.000.000.000	52.074.443.000
Hàng bán bị trả lại		
Cộng	27.000.000.000	52.074.443.000

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán
- Giá vốn kinh doanh bất động sản
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	4.270.032.845.378	3.519.464.854.803
Giá vốn kinh doanh bất động sản		
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.032.351.695	
Cộng	4.274.065.197.073	3.519.464.854.803

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.402.882.362	8.652.496.033
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.868.045.973	4.109.226.406
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.397.421.894	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.505	
Cộng	14.668.375.734	12.761.722.439

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Chi phí tài chính khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	121.621.540.731	89.077.498.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.309.784.704	3.603.060.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.038.286.505	
Chi phí tài chính khác		
Cộng	127.969.611.940	92.680.559.095

6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Đáo hạn bảo hiểm nhân thọ
- Hỗ trợ vận chuyển, bao bì
- Bảo hiểm bồi thường hàng hư hỏng
- Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ
- Các khoản khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.396.464.885	2.338.096
Đáo hạn bảo hiểm nhân thọ	663.941.502	
Hỗ trợ vận chuyển, bao bì	2.984.986.470	4.527.860.750
Bảo hiểm bồi thường hàng hư hỏng	404.493.070	
Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ	2.463.224.285	
Các khoản khác	2.509.065.485	4.421.057.260
Cộng	11.422.175.697	8.951.256.106

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên,
Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý TSCĐ, CCDC		
- Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	588.739.292	1.538.564.335
- Lãi chậm nộp BHXH	55.209	
- Huy hàng tại nước ngoài	8.816.652.162	
- Hỗ trợ học bổng và ủng hộ	315.000.000	
- Xóa công nợ do khách hàng ngưng hoạt động, không thực hiện hợp đồng	520.000.000	
- Các khoản khác	4.676.795	1.520.906.054
Cộng	10.245.123.458	3.059.470.389

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	14.696.216.685	12.444.208.697
- Chi phí nhân công	654.269.232	701.318.734
- Chi phí khấu hao	454.166.995	787.547.436
- Thuế, phí, lệ phí		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.395.009.166	84.339.356.616
- Chi phí khác bằng tiền		
Cộng	86.199.662.078	98.272.431.483
8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên, vật liệu		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	183.651.393	430.125.097
- Chi phí nhân công	9.219.931.367	9.997.864.098
- Chi phí khấu hao	3.644.753.996	2.722.004.550
- Thuế, phí, lệ phí	70.509.287	65.737.592
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.125.628.342	4.371.775.007
- Chi phí thuế giá trị gia tăng phân bổ điều chỉnh		
- Phân bổ Lợi thế thương mại	1.304.119.076	1.304.119.076
- Chi phí khác bằng tiền	74.375.000	1.645.504.368
Cộng	22.622.968.461	20.537.129.788

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.691.408.704.153	946.471.043.945
- Chi phí công cụ, dụng cụ	15.794.530.986	
- Chi phí nhân công	20.738.016.767	15.722.785.160
- Chi phí khấu hao TSCĐ	42.481.254.943	38.769.904.339
- Thuế, phí, lệ phí	70.509.287	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.948.771.320	91.855.655.616
- Chi phí bằng tiền khác	27.323.184.038	1.711.705.960
Cộng	2.919.764.971.494	1.094.531.095.020

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN
649A, Quốc lộ 91, KV. Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên,
Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.039.942.902	10.240.671.046
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng	5.039.942.902	10.240.671.046

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(15.795.629.189)	68.201.483.999
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(15.795.629.189)	68.201.483.999
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	78.319.777	70.581.801
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(202)	966

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong năm, Công ty có các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 148.000.000.000 đồng do công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng do khoản tiền này được dùng đảm bảo cho các khoản vay tại 2 ngân hàng: Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN Hồ Chí Minh và Ngân hàng Malayan Banking Behard - Chi nhánh TP. HCM.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.648.986.420.200
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.482.037.134.030
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	

III . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo các đơn vị dịch vụ và lĩnh vực kinh doanh :

Khoản mục	Bán thành phẩm, hàng hoá	Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	4.478.376.488.026	6.369.134.620	4.484.745.622.646
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.478.376.488.026	6.369.134.620	4.484.745.622.646
Giá vốn	4.270.032.845.378	4.032.351.695	4.274.065.197.073
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	4.270.032.845.378	4.032.351.695	4.274.065.197.073
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	208.343.642.648	2.336.782.925	210.680.425.573
Doanh thu hoạt động tài chính			14.668.375.734
Chi phí tài chính			127.969.611.940
Phần lãi / (lỗ) trong công ty liên kết			5.143.144
Chi phí bán hàng			86.199.662.078
Chi phí quản lý doanh nghiệp			22.622.968.461
Thu nhập khác			11.422.175.697
Chi phí khác			10.245.123.458
Chi phí thuế TNDN hiện hành			5.039.942.902
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			260.823.816
Tổng lợi nhuận sau thuế			(15.562.012.508)
Tổng chi phí mua tài sản			
Tài sản bộ phận			
Tài sản bộ phận phân bổ			2.829.703.781.810
Tài sản không phân bổ			164.278.764.269
Tổng tài sản			2.993.982.546.079
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp			
Nợ phải trả bộ phận phân bổ			264.470.155.285
Nợ phải trả không phân bổ			1.551.099.304.638
Tổng cộng nợ			1.815.569.459.923

2 . Thông tin về các bên liên quan

2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương, thù lao	Năm nay
Bà Phạm Lê Khánh Hân	195.297.312
Bà Nguyễn Lê Bảo Trang	183.297.312
Bà Phạm Lê Khánh Huyền	132.000.000
Ông Phạm Tam Tiến	138.820.608
Bà Huỳnh Nguyễn Thuý Vy	41.284.000
Ông Nguyễn Văn Đứơc	80.000.000
Cộng	770.699.232

Giao dịch khác : không có

2.2. Giao dịch với các bên liên quan cá nhân khác : không phát sinh

2.3. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Thơ	TGD An Thơ là thành viên HĐQT TAR	

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Thơ	Bán hàng hoá, nguyên vật liệu	90.426.424.000
	Hàng bán bị trả lại	27.000.000.000
	Thu tiền bán hàng	110.857.200.000
	Bù trừ công nợ	3.296.643.650
	Mua hàng hoá	556.965.660
	Thanh toán tiền hàng	214.587.836

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Thơ	Nợ phải thu	272.367.850
	Nợ phải trả	

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt (AASCN)

Người lập biểu

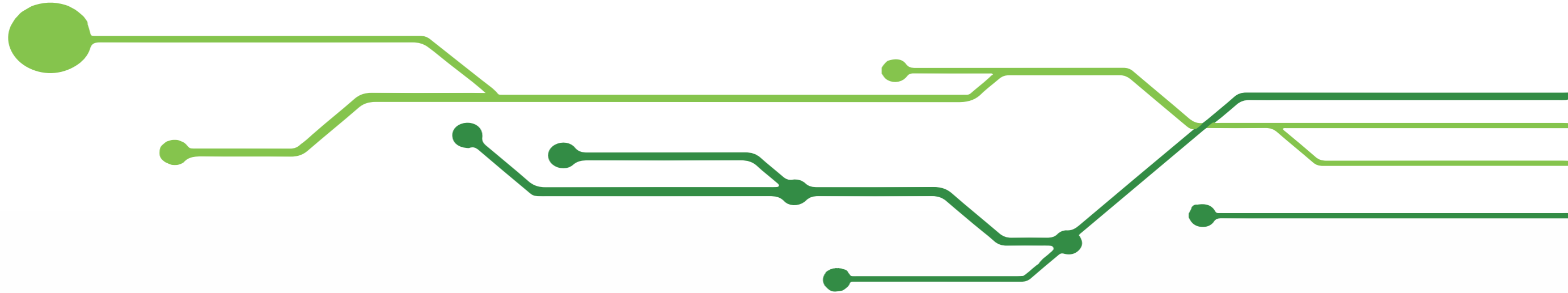
Kế toán trưởng

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2024
Tổng Giám đốc

TRẦN PHAN NGUYỆT ANH

PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG



TRUNG AN®

Cần Thơ, ngày 17 tháng 04 năm 2024
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN LÊ BẢO TRANG





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN



649A, Quốc lộ 91, Khu vực Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt,
Thành phố Cần Thơ



02923 857 336



sales@trunganrice.com



www.trunganrice.com